
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

www.vcbs.com.vn



VCBS
Vietcombank Securities



Mục lục

- I. GIỚI THIỆU CHUNG**
 - 1.1 Thông tin chung
 - 1.2 Thành tựu nổi bật
 - 1.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Giám đốc
 - 1.4 Các chỉ số tài chính
 - 1.5 Định hướng phát triển
- II. BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**
 - 2.1 Tổng quan kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018
 - 2.2 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018
- III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**
 - 3.1 Sơ đồ tổ chức
 - 3.2 Danh sách Bộ máy quản trị điều hành
 - 3.3 Giới thiệu Hội đồng Thành viên
 - 3.4 Giới thiệu Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát
- IV. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI VCBS**
 - 4.1 Khách hàng cá nhân
 - 4.2 Khách hàng doanh nghiệp
 - 4.3 Khách hàng định chế
- V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
 - 5.1 Hoạt động Ban Kiểm soát
 - 5.2 Quản trị rủi ro
 - 5.3 Uy tín và Kinh nghiệm hoạt động
 - 5.4 Quản trị nguồn nhân lực
 - 5.5 Nền tảng công nghệ giao dịch hiện đại
 - 5.6 Trách nhiệm với xã hội và cộng đồng
- VI. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG**
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1 Thông tin chung

Tên công ty: Công ty trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (VCBS).

Tên Tiếng Anh: Vietcombank Securities Co., Ltd

Ngày thành lập: 07/01/2002 theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 04 năm 2002 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 63/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Ngành nghề hoạt động: VCBS được cấp phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng*)

Hội sở chính: Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: (84-24)-39366990 - Fax: (84-24)-39360262

Website: www.vcbs.com.vn

1.2 Thành tựu nổi bật

Năm 2002:

- Công ty chứng khoán đầu tiên cung cấp các tiện ích trực tuyến trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cung cấp bảng giá trực tuyến (tại website www.vcbs.com.vn) và tiện ích giao dịch chứng khoán qua mạng Internet (VCBS - Cyber Investor).
- Công ty chứng khoán tiên phong trong việc khai mở thị trường trái phiếu (đây là thị trường vốn chỉ dành cho các Ngân hàng thương mại trước đó hoạt động), VCBS thực hiện bảo lãnh thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ.
- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Hồ Chí Minh (VCBS TP.HCM).

Năm 2003:

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu có cam kết chắc chắn cho CTCP XNK Tổng hợp

và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (Imexco). Đây là lần đầu tiên một công ty chứng khoán thực hiện bảo lãnh phát hành cổ phiếu doanh nghiệp có cam kết chắc chắn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Năm 2004:

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 200 tỷ đồng cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank). Đây là thương vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu được cam kết chắc chắn có giá trị lớn nhất trong 5 năm đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Năm 2005:

- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức bán đấu giá cổ phần của Công ty Thiết bị Bưu điện (POSTEF – Mã: POT) qua Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là phiên đấu giá cổ phần đầu tiên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, tiền thân của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hiện nay.
- Nhận bằng khen của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về thành tích góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2004.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2000 – 2005.

Năm 2006:

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.
- Nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích trong công tác tham gia bảo lãnh phát hành trái phiếu đô thị.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn.

Năm 2007:

- Tư vấn bán đấu giá phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Ngân hàng Ngoại

Thương Việt Nam (Vietcombank), một trong những thương vụ IPO có quy mô lớn nhất tại Việt Nam.

- Bảo lãnh phát hành thành công 400 tỷ đồng trái phiếu của Tổng công ty Thép và 300 tỷ đồng trái phiếu của Tổng công ty Sông Đà.
- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Đà Nẵng (VCBS Đà Nẵng).

Năm 2008:

- Kiện toàn bộ máy hoạt động trên toàn hệ thống VCBS sau 05 năm đi vào hoạt động.
- Thành lập điểm giao dịch của VCBS tại Vietcombank Hải Dương.

Năm 2009:

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.
- Một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép đạt tiêu chuẩn kết nối với hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Nhận giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” cho Tổ chức trung gian và hỗ trợ dịch vụ tiêu biểu.
- Nhận giải thưởng công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Năm 2010:

- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Cần Thơ (VCBS Cần Thơ).
- Một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp phép đạt tiêu chuẩn kết nối với hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liên tục.

Năm 2011:

- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Vũng Tàu (VCBS Vũng Tàu).
- Công ty chứng khoán đầu tiên thực hiện nghiệp vụ M&A, với các thương vụ lớn được hoàn thành trong lĩnh vực ngân hàng. Cụ thể:
 - Sáp nhập Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina và Ngân hàng Shinhan Việt Nam;
 - Hợp nhất 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín

Nghĩa và Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Năm 2012:

- Nhận bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vì đã đạt “Thành tích xuất sắc trong hoạt động của thị trường trái phiếu thứ cấp năm 2012 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”.
- Tư vấn thành công các thương vụ sáp nhập M&A nổi bật trên thị trường chứng khoán Việt Nam như:
 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội và Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội;
 - CTCP Thép Việt Ý và CTCP Luyện thép Sông Đà.
- Bảo lãnh phát hành thành công 250 tỷ đồng trái phiếu Vinaenco.
- Tư vấn và thu xếp phát hành 250 tỷ đồng trái phiếu BIM Seafood.

Năm 2013:

- Một trong những thành viên đứng đầu về thị phần đấu thầu sơ cấp và môi giới giao dịch thứ cấp trên thị trường trong nhiều năm liên tiếp.
- Một trong 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tư vấn và Bảo lãnh phát hành thành công 1.000 tỷ trái phiếu CTCP kỹ thuật TPHCM (CII); đồng Tư vấn phát hành thành công 5.000 tỷ đồng Trái phiếu Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).
- Tư vấn thành công các thương vụ sáp nhập (M&A): CTCP Sông Đà 9 và CTCP Sông Đà 91; CTCP Someco Sông Đà và CTCP Someco Hòa Bình.

Năm 2014

- Một trong 04 công ty chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu và Tín phiếu chiếm trên 10% thị phần giao dịch của toàn thị trường.
- Công ty chứng khoán duy nhất trên thị trường vinh dự nhận giấy khen do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trao tặng “Thành tích tiêu biểu đối với sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2009- 2014”.
- Phát hành thành công 200 tỷ trái phiếu VCBS.

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2014.
- Một trong 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 9.000 tỷ đồng trái phiếu của Masan Consumer Holdings (MCH) - Công ty con thuộc sở hữu toàn phần của Công ty cổ phần Tập đoàn Masan.
- Tư vấn phát hành thành công 2.300 tỷ đồng trái phiếu của Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang – Công ty thuộc Tập đoàn Vingroup.
- Chính thức triển khai cung cấp hệ thống giao dịch trực tuyến VCBS Trading hoàn toàn mới trên các phân hệ Home Trading; Web Trading; Mobile Trading và App Trading thành công.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng VCBS kỷ niệm chương “Một trong 05 công ty chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015”.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường chứng khoán giai đoạn 2005- 2015.
- Phát hành thành công 300 tỷ trái phiếu VCBS.
- Thành lập Phòng giao dịch Giảng Võ và Văn phòng đại diện Hải Phòng.

Năm 2016

- Tư vấn và Đại lý phát hành thành công 8.000 tỷ trái phiếu Vietcombank.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016.
- Thành lập Văn phòng đại diện Bình Dương.

Năm 2017

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1000 tỷ đồng.
- Đại lý đầu giá duy nhất được nhà đầu tư lựa chọn trong thương vụ thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) với tổng giá trị giao dịch thông qua VCBS là khoảng 110.000 tỷ đồng.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh “VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền, chứng khoán năm 2017”.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh “VCBS là công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2017”.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh “VCBS là thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu Chính phủ năm 2017”.

Năm 2018

- Đại lý đầu giá thành công thương vụ thoái vốn Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG) với tổng giá trị 7.366 tỷ đồng.
- Tư vấn nhà đầu tư nước ngoài thực hiện M&A thành công trong các thương vụ mua cổ phần tại: Tập đoàn Dệt may Việt Nam (10%), Công ty Cổ phần Thép Việt Ý (45%), Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (8.97%).
- Là thành viên thứ 9 trên thị trường chính thức cung cấp sản phẩm chứng khoán phái sinh.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là "Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2018" và "Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018".
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh “VCBS là thành viên tiêu biểu năm 2017 - 2018”.

1.3 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Giám đốc

Kính thưa Quý vị!

Năm 2018 là một năm tăng trưởng ấn tượng của nền kinh tế Việt Nam khi 12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Quốc hội đề ra đầu năm đều đạt và vượt mục tiêu. GDP ở mức 7,08%, mức tăng cao nhất trong vòng 11 năm trở lại đây. Lạm phát 3 năm liên tiếp được giữ ở mức dưới 4%. Tỷ giá và mặt bằng lãi suất đều chịu áp lực tăng về cuối năm nhưng nhìn chung vẫn ổn định nhờ

vào sự kiểm soát, điều hành sát sao của Ngân hàng Nhà nước. Dù được các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước hỗ trợ tích cực nhưng do các sự kiện kinh tế quốc tế trọng yếu như căng thẳng thương mại Mỹ- Trung hay FED 4 lần tăng lãi suất, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua 1 năm biến động mạnh làm thay đổi liên tục kì vọng của các nhà đầu tư. VN Index đạt đỉnh vào giữa tháng 4 vượt mốc 1.200 điểm, sau đó rơi vào chu kỳ giảm giá rồi có sự hồi phục nhất định vào nửa cuối năm. Tuy nhiên, do thanh khoản tương đối hạn chế nên mức độ hồi phục của chỉ số chưa thật sự đáng kể, chỉ số phiên giao dịch cuối năm chốt ở ngưỡng 892 điểm.

Trong bối cảnh đó, là công ty con có 100% vốn chủ sở hữu thuộc Vietcombank, với 17 năm kinh nghiệm gắn bó với thị trường chứng khoán Việt Nam, hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại cùng mạng lưới giao dịch rộng khắp và đội ngũ chuyên gia giàu năng lực, VCBS đã nỗ lực không ngừng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm 2018, tạo tiền đề vững chắc cho việc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2019, đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như nhận được sự tin tưởng từ các doanh nghiệp và nhà đầu tư trên thị trường, uy tín ngày một nâng cao.

Năm 2018 đánh dấu sự phát triển vượt bậc của công ty khi VCBS đã thực hiện thành công nhiều thương vụ lớn góp phần vào sự tăng trưởng của thị trường như: đại lý đấu giá duy nhất được nhà đầu tư lựa chọn trong thương vụ thoái vốn nhà nước tại Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) với tổng giá trị giao dịch thông qua VCBS là khoảng 110.000 tỷ đồng; đại lý đấu giá thành công thương vụ thoái vốn Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG) với tổng giá trị 7.366 tỷ đồng; tư vấn nhà đầu tư nước ngoài thực hiện M&A thành công trong các thương vụ mua cổ phần tại Tập đoàn Dệt may Việt Nam (10%); CTCP Thép Việt Ý (45%); CTCP Tập đoàn PAN (8,97%)... và tư vấn bảo lãnh phát hành hàng nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp.

Không những vậy, VCBS còn là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên cung cấp sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh ra thị trường và ra mắt sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán (VCBS Privilege) dành cho khách hàng cá nhân có tài sản lớn bên cạnh những sản phẩm và dịch vụ truyền thống đã hoàn thiện. Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, công ty đã khai trương phòng giao dịch Hoàng Mai vào tháng 10 năm 2018, mở rộng mạng lưới phòng giao dịch tại Hà Nội của VCBS lên 3 phòng giao dịch.

Những đóng góp vào thị trường chứng khoán của VCBS đã được ghi nhận khi VCBS được Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM & Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vinh danh là “Thành viên tiêu biểu năm 2017 – 2018”, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh là “Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2018” và “Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018”. Những thành tựu đã đạt được trong năm 2018 là minh chứng cho quyết tâm và nỗ lực không ngừng vươn lên của tập thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty và cũng là động lực để VCBS phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong năm tới.

Là một thành viên trong hệ thống Ngân hàng Vietcombank, VCBS sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thông qua việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trọn gói từ Ngân hàng thương mại cho tới Ngân hàng đầu tư. Theo đó, ngân hàng đầu tư sẽ là hoạt động cốt lõi để phát triển các dịch vụ khác của Công ty như: (i) Mở rộng và hoàn thiện hệ thống dịch vụ cho khách hàng tổ chức, định chế, và hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp; (ii) Nâng cao chất lượng dịch vụ và triển khai các gói sản phẩm nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng bán lẻ; (iii) Tập trung nguồn lực để đẩy mạnh công tác xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, từ đó cung cấp cho khách hàng những trải nghiệm giao dịch tiện ích hiện đại, an toàn và bảo mật. Đồng thời, các điều kiện cần thiết khác như chất lượng nhân sự và các giải pháp đồng bộ đi kèm cũng được thúc đẩy để hoàn thiện mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong giai đoạn tới, dù bối cảnh thị trường chứng khoán được dự báo còn nhiều khó khăn, VCBS luôn cam kết là đối tác tin cậy cho cộng đồng nhà đầu tư, các doanh nghiệp, tổ chức định chế tài chính trong nước và quốc tế. VCBS sẽ tiếp tục cung cấp những sản phẩm đa dạng với chất lượng cao và không ngừng nỗ lực để mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng.

1.4 Các chỉ số tài chính

Bảng chỉ tiêu (đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
Doanh thu HĐKD	368.582	578.940	588.230
Chi phí HĐKD	(157.548)	(225.345)	(290.011)
Doanh thu tài chính	2.279	2.364	2.552

Chi phí tài chính	(62.350)	(82.859)	(88.516)
Chi phí QLDN	(70.786)	(86.711)	(96.183)
Lợi nhuận thuần HĐKD	80.177	186.389	216.048
Thu nhập/Chi phí khác		76	254
LNTT	80.177	186.464	202.036
LNST	65.723	151.715	163.052
Vốn điều lệ	700.000	1.000.000	1.000.000
Hệ số thanh toán ngắn hạn	165,80%	197,74%	193,62%
Hệ số nợ/TTS	56,33%	60,97%	51,04%
Hệ số nợ/VCSH	128,98%	156,19%	104,25%
Vòng quay TTS	15,71%	19,76%	19,06%
Biên lợi nhuận thuần	17,89%	26,21%	27,71%
ROE	5,80%	11,90%	12,46%
ROA	2,53%	4,65%	5,27%
Tỷ lệ vốn khả dụng	265%	308%	371%

1.5 Định hướng phát triển kinh doanh

Sau khi trải qua năm 2018 với nhiều biến động, chúng tôi kỳ vọng rằng năm 2019 quy mô thị trường sẽ có những chuyển biến tích cực hơn. Với những tập đoàn lớn trong nước đang và sẽ tiếp tục thoái vốn trong thời gian tới như VEAM, Lilama, Viglacera,... nhà đầu tư hoàn toàn có thể kỳ vọng rằng nguồn tiền lớn sẽ quay lại thị trường trong năm 2019. Thêm vào đó, việc ký kết thành công hiệp định CPTPP sẽ giúp một số ngành có thêm lợi thế cạnh tranh trong hoạt động xuất khẩu, ví dụ như thủy hải sản, dệt may... Mặc dù vậy nhà đầu tư cũng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức trong đó có áp lực kiềm chế lạm phát. Cùng lúc thị trường có thể chứng kiến nhiều biến động mạnh do các bất ổn biến động khó lường từ Mỹ, Trung Quốc hay châu Âu.

Trong bối cảnh thị trường được kỳ vọng tăng trưởng về chất lẫn về lượng, bộ Luật Chứng khoán đã được sửa đổi để phù hợp với thông lệ thế giới giúp Việt Nam có thể nhanh chóng hội nhập, tiến tới mục tiêu thăng hạng thị trường. Tuy nhiên, sự thay đổi này đã dẫn tới mức độ cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán tăng nhanh chóng, đòi hỏi VCBS phải có những đột phá mạnh mẽ hơn để nâng cao vị thế. Sang năm 2019, VCBS định hướng mô hình kinh doanh theo tiêu chuẩn quốc tế, với tầm nhìn ngân hàng đầu tư chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam. Công ty tăng cường phối hợp với ngân hàng mẹ Vietcombank để tận dụng nguồn tài nguyên hạ tầng, mạng lưới và tập khách hàng, tạo ra gói sản phẩm tài chính tổng hợp cho khách hàng. VCBS tiếp tục nâng cao khả năng quản trị, kiểm soát chi phí, xây dựng các quy trình quản lý theo tiêu chuẩn tốt nhất hiện hành. Năm 2019, VCBS đặt kế hoạch 642 tỷ đồng doanh thu và 230 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.

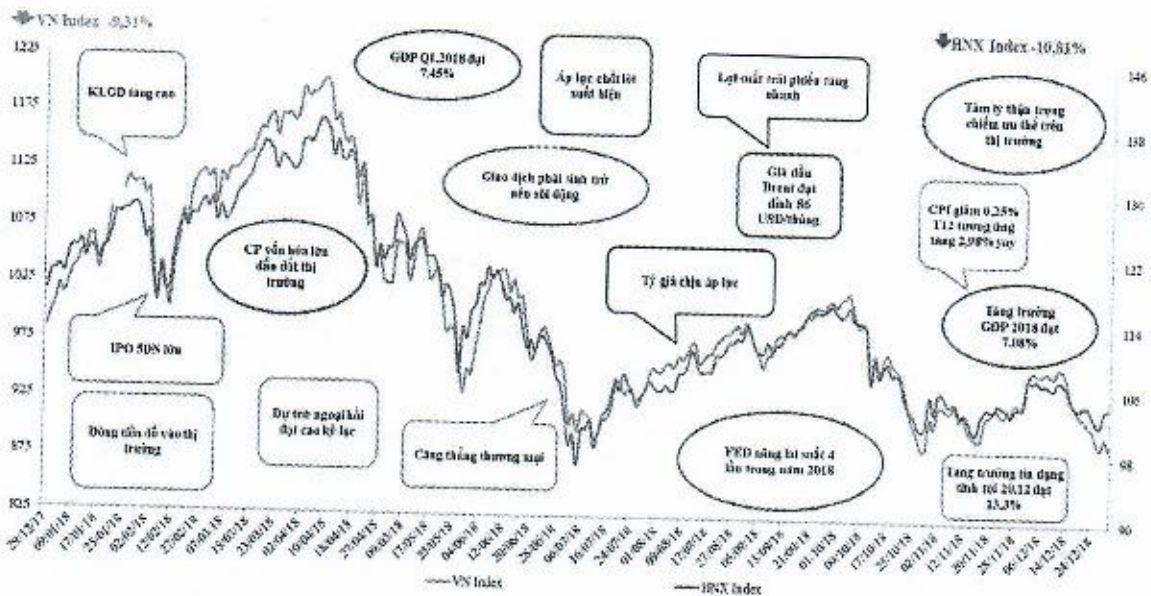
II. BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

2.1 Tổng quan kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018

GDP năm 2018 đạt 7,08% - mức tăng cao nhất trong vòng 11 năm trở lại đây. Trong đó, khu vực dịch vụ và công nghiệp chế biến chế tạo là điểm sáng hỗ trợ tăng trưởng. Cùng lúc, vốn đầu tư FDI giải ngân tiếp tục giữ ở mức cao trong khi cầu tiêu dùng tiếp tục ghi nhận các tín hiệu tích cực đóng góp vào nền kinh tế. Lạm phát so với cùng kỳ kết thúc năm 2018 chỉ tăng 2,98%. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu 4% Quốc hội đề ra. Tỷ giá trung tâm tăng 1,78% so với cuối năm trước. Mức giảm giá của VND thấp so với nhiều nước trong khu vực cho thấy sự hiệu quả trong điều hành chính sách của NHNN. Mặt bằng lãi suất huy động sau khi tăng 30-50 điểm cơ bản đầu Quý 4 đã dần ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay nhìn chung không có nhiều biến động.

Năm 2018 là năm chứng kiến những biến động mạnh của thị trường khi chỉ số tăng mạnh và tạo đỉnh đi cùng với thanh khoản cao đột biến trong 4 tháng đầu năm. Tuy nhiên 8 tháng còn lại là thời gian chỉ số rơi vào trạng thái điều chỉnh. Kết thúc năm 2018, VNIndex và HNXIndex giảm lần lượt là 9,32% và 10,81%. Thanh khoản trên thị trường trung bình đạt 253 triệu cổ phiếu, tương ứng 6.173 tỷ đồng (tính cả giá trị khớp lệnh và thỏa thuận). Năm 2018 cũng đồng thời là năm nhiều dấu ấn trên thị trường chứng khoán Việt Nam khi thị trường chứng khoán đón nhận hàng loạt cổ phiếu lớn niêm yết và giao dịch, làm thay đổi cục diện của Top10 vốn hóa các

doanh nghiệp lớn nhất thị trường; Thị trường chứng khoán phái sinh bùng nổ; hay FTSE đưa Việt Nam vào danh sách nâng hạng...



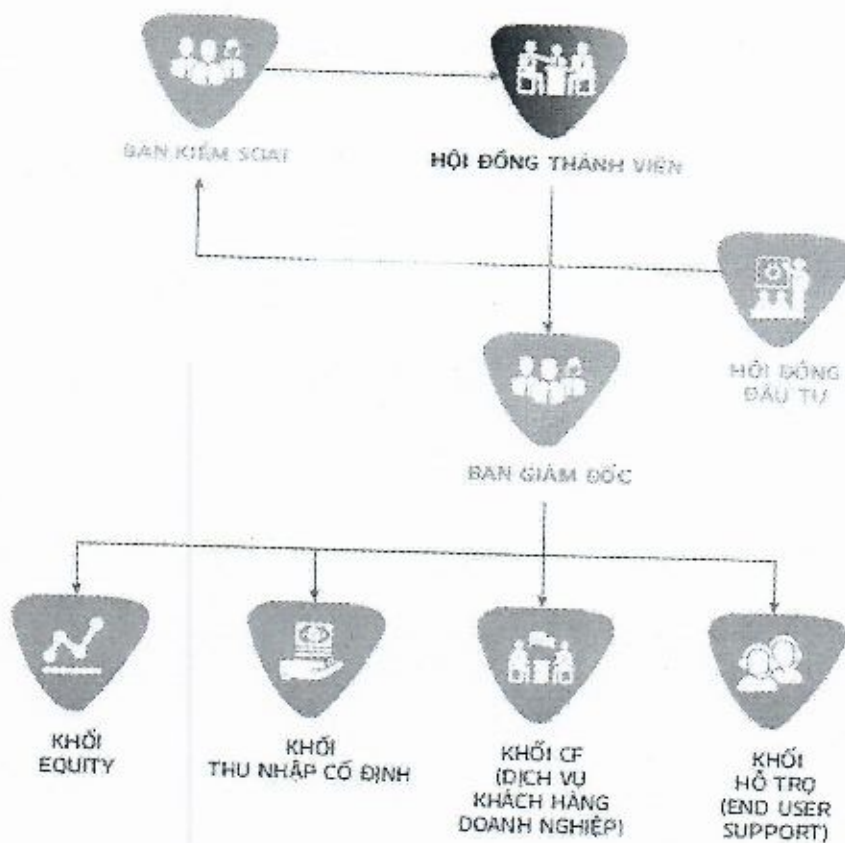
2.2 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Năm 2018, mặc dù đối mặt với nhiều biến động khó lường của nền kinh tế vĩ mô cũng như thị trường, VCBS vẫn ghi nhận mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, vượt kế hoạch kinh doanh đề ra. Cụ thể, doanh thu đạt 588,23 tỷ đồng, tăng 1,6% và LNST đạt 163,05 tỷ đồng, tăng 7,5%.

Thành tích này đạt được nhờ sự kiên trì theo sát định hướng đề ra và điều hành linh hoạt, kịp thời theo diễn biến thị trường năm 2018, đặc biệt tại một số lĩnh vực hoạt động như Đầu tư và Kinh doanh vốn & Trái phiếu. Công ty cũng tiếp tục đẩy mạnh phát triển nhiều sản phẩm mới có chất lượng cao nhằm mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng. Trong năm, VCBS đã trở thành thành viên giao dịch phái sinh thứ 9 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; ra mắt sản phẩm Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán (VCBS Privilege).

III. TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH

3.1 Sơ đồ tổ chức



3.2 Danh sách Bộ máy quản trị điều hành

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
BÀ NGUYỄN THỊ KIM OANH	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VIETCOMBANK CHỦ TỊCH HĐQT
BÀ HOÀNG DIỄM THÙY	THÀNH VIÊN HĐQT
ÔNG LÊ MẠNH HÙNG	THÀNH VIÊN VIÊN HĐQT GIÁM ĐỐC
ÔNG TRẦN VIỆT ANH	PHÓ GIÁM ĐỐC
ÔNG LÊ VIỆT HÀ	PHÓ GIÁM ĐỐC

ÔNG TRẦN VIỆT HUNG	PHÓ GIÁM ĐỐC
ÔNG PHAN ANH VŨ	PHÓ GIÁM ĐỐC
BÀ NGUYỄN THÚY QUỲNH	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

3.3 Giới thiệu Hội đồng Thành viên

3.3.1 BÀ NGUYỄN THỊ KIM OANH - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Vietcombank, Chủ tịch Hội đồng Thành viên VCBS, Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh nhận bằng Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại Đại học New South Wales, Úc.

3.3.2 BÀ HOÀNG DIỄM THÙY - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Hoàng Diễm Thủy hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng phòng quản lý tài sản nợ - tài sản có Hội sở chính Vietcombank, Ủy viên Hội đồng Thành viên VCBS. Bà Hoàng Diễm Thủy nhận bằng MBA do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trung tâm Đào tạo về Quản lý Pháp - Việt (CFVG) tổ chức.

3.3.3 ÔNG LÊ MẠNH HÙNG - THÀNH VIÊN HĐQTV - GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại trường Đại học California State - East Bay (USA).

Giới thiệu Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

3.4.1 ÔNG LÊ MẠNH HÙNG – GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc VCBS. Ông Lê Mạnh

Hùng nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại trường Đại học California State - East Bay (USA).

3.4.2 ÔNG TRẦN VIỆT ANH - PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Trần Việt Anh đã có nhiều năm công tác liên tục tại Vietcombank (kể từ năm 1994), trong đó có 8 năm kinh nghiệm chuyên môn về kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh vốn, sản phẩm phái sinh, trên thị trường quốc tế và trong nước; 16 năm kinh nghiệm chuyên môn trên thị trường chứng khoán bao gồm Môi giới chứng khoán, Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Đầu tư dự án, Đầu tư và Kinh doanh chứng khoán (tại VCBS), Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Quản lý Tài sản ủy thác (tại VCBF); 10 năm kinh nghiệm quản lý với các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp. Ông Trần Việt Anh nhận bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) tại trường Đại học Tổng hợp Brussels – Vương Quốc Bỉ.

3.4.3 ÔNG LÊ VIỆT HÀ - PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Việt Hà từng giữ nhiều chức vụ chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc VCBS. Ông Lê Việt Hà tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của Học viện Ngân hàng và nhận bằng Cử nhân Luật tại Đại học Luật Hà Nội.

3.4.4 ÔNG TRẦN VIỆT HUNG – PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Trần Việt Hưng đã có nhiều năm công tác tại Vietcombank từ năm 2006. Ông Trần Việt Hưng từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý tài sản nợ - tài sản có Trụ sở chính Vietcombank, Trưởng phòng Kinh doanh vốn & Trái phiếu VCBS trước khi được bổ nhiệm vị trí Phó Giám đốc VCBS. Ông Trần Việt Hưng nhận bằng Cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại tại trường Đại học Ngoại thương.

3.4.5 ÔNG PHAN ANH VŨ - PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Phan Anh Vũ đã có quá trình công tác lâu dài tại VCBS từ năm 2002, ông có nhiều năm giữ chức vụ Trưởng phòng Môi giới Hội sở chính trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám Đốc VCBS. Ông Phan Anh Vũ nhận bằng Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính tại Trường Đại học Queensland – Úc.

3.4.5 BÀ NGUYỄN THÚY QUỲNH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thúy Quỳnh có nhiều năm công tác tại VCBS, từng giữ một số vị trí chủ chốt trong

đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát VCBS. Bà Nguyễn Thuý Quỳnh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

IV. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI VCBS

4.1 Khách hàng định chế

Thành tựu nổi bật

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam vinh danh là 01 trong 09 thành viên tiêu biểu thị trường TPCP năm 2018 theo các tiêu chí về mức độ tham gia trên thị trường sơ cấp, thứ cấp, tuân thủ nghĩa vụ thành viên, tham gia vào các chương trình phát triển thị trường.
- Thị phần môi giới đấu thầu trái phiếu đứng đầu toàn thị trường trong năm 2018 (nhóm thị phần trên 10%) và là một trong 15 thành viên chính thức có đủ điều kiện tham gia thị trường đấu thầu trái phiếu chính phủ trong năm 2019.
- Tiếp tục duy trì thị phần môi giới trái phiếu chính phủ Top 3 trong nhóm tỷ trọng trên 10% trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, thị phần môi giới trái phiếu doanh nghiệp niêm yết đứng thứ 2 trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Khẳng định vị thế

Với đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm và am hiểu thông lệ trong nước và quốc tế, năm 2018, hoạt động dành cho khách hàng định chế tại VCBS đã tạo nên bước chuyển mình trên thị trường đầu tư tài chính. Cùng với uy tín và vị thế của VCBS trên thị trường, thông qua một loạt các sự kiện, hoạt động kết nối đầu tư với các đối tác trong nước và quốc tế, VCBS tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu của mình trong hoạt động Ngân hàng đầu tư. Một số hoạt động tiêu biểu như:

- Tổ chức sự kiện Investor Connecting Day Japan – Vietnam cùng Ngân hàng Mizuho. Sự kiện đã thu hút đông đảo đại biểu là đại diện của các Tập đoàn tài chính, các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Nhật Bản uy tín đang tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác tại Việt Nam. Đây là sự kiện được VCBS tổ chức thường niên nhằm chia sẻ những thông tin về môi trường kinh doanh, các cơ hội đầu tư và hợp tác tiềm năng tại Việt Nam.

- VCBS tổ chức các chương trình gặp gỡ và khảo sát doanh nghiệp tiềm năng trên toàn quốc với các chủ đề đáp ứng nhu cầu của khách hàng định chế. Thông qua các chương trình này, khách hàng tại VCBS được cơ hội hiểu rõ về tình hình hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng của doanh nghiệp tại Việt Nam.

- VCBS tổ chức các buổi hội thảo thuyết trình triển vọng kinh tế vĩ mô và cơ hội đầu tư dành cho các khách hàng định chế lớn tại Hà Nội và Hồ Chí Minh. Thông qua những sự kiện này, VCBS đã củng cố và mở rộng mạng lưới khách hàng định chế lớn rộng khắp trong và ngoài nước (Citibank, Standard Chartered Bank, HSBC, Deutsche Bank, EIB, OCB, Saigon Bank, Prudential, Manulife, AIA, Generali Life, FWD Life, Dragon Capital, Vinacapital, TCB Fund, VFM,...)

Tiếp tục phát triển

Với sự hỗ trợ của hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin nghiên cứu vĩ mô, các báo cáo tài chính chuyên sâu về thị trường, các ngành kinh tế, đánh giá chi tiết hoạt động của các doanh nghiệp; hệ thống giao dịch với công nghệ hiện đại nhất thị trường; sự phối hợp đồng bộ với Khối khách hàng doanh nghiệp và đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, có nhiều năm kinh nghiệm trong thị trường tài chính, VCBS tiếp tục phát triển những sản phẩm khuyến nghị đầu tư hiệu quả và đúng thời điểm để mang tới cho khách hàng những cơ hội thành công trong năm 2019.

Với mục tiêu phát huy thế mạnh của một tập đoàn kinh tế mạnh, trong năm 2019, VCBS sẽ sát cánh cùng Vietcombank, cung cấp các gói dịch vụ tài chính tổng thể mang tính cộng hưởng cho khách hàng. Thêm vào đó, với sự hợp tác có hệ thống và quy chuẩn ba bên giữa Vietcombank, VCBS và Ngân hàng Mizuho, các hoạt động tư vấn M&A sẽ được đẩy mạnh phát triển trong năm 2019.

Đối với hoạt động phân phối chứng khoán, VCBS sẽ đẩy mạnh mở rộng và tiếp cận các đối tượng khách hàng tiềm năng trong và ngoài nước, chủ động tiếp xúc các doanh nghiệp có lộ trình cổ phần hóa, IPO, niêm yết để giới thiệu cơ hội đầu tư đặc biệt cho nhóm khách hàng doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tài chính và đầu tư chiến lược có nhu cầu.

Vì lợi ích lâu dài và phát triển bền vững, trong thời gian tới, VCBS sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng đội ngũ kinh doanh trực tiếp và các chuyên viên cao cấp, hoàn thiện hệ thống công nghệ lõi để mang tới cho các định chế tài chính, các doanh nghiệp nước ngoài những tính năng

và tiện ích giao dịch vượt trội, nâng cao hiệu suất giao dịch và tính năng bảo mật cho khách hàng.

4.2 Khách hàng doanh nghiệp

Thành tựu nổi bật:

- Đơn vị đầu giá duy nhất thực hiện toàn bộ hồ sơ, chuyển nhượng cổ phần Sabeco với giá trị gần 110 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 5 tỷ USD). Đây là thương vụ thoái vốn giữ kỷ lục về số tiền thu được từ trước đến nay của Chính phủ Việt Nam và cũng là một thương vụ có tầm vóc trong khu vực.
- Tư vấn và bảo lãnh phát hành tổng giá trị hơn 10 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp.
- Tư vấn thoái vốn thành công tại các tập đoàn, tổng công ty và định chế tài chính lớn như: Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Cao su Đồng Nai, Tổng Công ty Sông Đà, Ngân hàng Vietcombank...

Tiếp tục nhận được sự tin tưởng và hợp tác cao từ trong nước và quốc tế

Là một trong những công ty đầu tiên tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam, VCBS đã có 17 năm đồng hành và trưởng thành cùng thị trường. Thị trường càng phát triển, nhu cầu của khách hàng càng đa dạng, theo đó, VCBS luôn tâm niệm không ngừng hoàn thiện và mở rộng các dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp, đến nay, Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp VCBS có thể cung cấp đầy đủ các nhóm dịch vụ sau:

- **Dịch vụ tư vấn huy động vốn:** Tư vấn phát hành cổ phiếu, tư vấn phát hành trái phiếu, đại lý phát hành chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- **Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp:** Tư vấn thoái vốn, tư vấn cổ phần hóa/chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn hoán đổi nợ - vốn cổ phần/ hoán đổi cổ phiếu của doanh nghiệp khác, tư vấn phát hành cổ phiếu trả cổ tức/ phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- **Dịch vụ tư vấn mua bán & sáp nhập:** Tư vấn tìm đối tác chiến lược, tư vấn mua bán hoặc sáp nhập doanh nghiệp;
- **Dịch vụ tư vấn khác:** Tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch trên UPCOM, tư vấn đăng ký/ hủy đăng ký đại chúng, tư vấn hoạt động quan hệ cổ đông.

Là công ty con do Vietcombank sở hữu 100%, VCBS kế thừa các chính sách quản trị chuyên nghiệp và nhận được sự hậu thuẫn vững vàng từ Ngân hàng mẹ về nguồn lực tài chính, mạng lưới khách hàng. Đồng thời VCBS, trong đó có Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp, cũng không ngừng tự mình trau dồi, hoàn thiện mô hình quản lý, chất lượng nhân sự, mở rộng cơ sở khách hàng và tăng cường xây dựng mối quan hệ với các cơ quan quản lý.

Năm 2018, hoạt động Ngân hàng đầu tư của VCBS đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận và tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những Ngân hàng đầu tư hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Với kinh nghiệm dày dặn và sự am hiểu sâu sắc về thị trường, VCBS đã triển khai thành công nhiều thương vụ, tiếp tục nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao từ các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước và các doanh nghiệp lớn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Cụ thể:

Đối với dịch vụ tư vấn huy động vốn, VCBS đã tư vấn và bảo lãnh phát hành tổng giá trị hơn 10 nghìn tỷ đồng trái phiếu cho các tổ chức gồm Vietcombank (VCB), CTCP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương (KSB), CTCP Đầu tư Văn Phú – Invest (VPI), CTCP DRH Holdings (DRH), CTCP Fecon (FCN),... tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng cho CTCP Bao bì và in nông nghiệp (INN), bảo lãnh phát hành cổ phiếu với cam kết chắc chắn cho CTCP Fecon (FCN), tư vấn phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho CTCP Thủy sản số 4...

Về dịch vụ tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, VCBS đã tư vấn cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tổng công ty Viễn thông Mobifone thoái vốn thành công tại một số đơn vị thành viên, tư vấn Tổng Công ty Cao su Đồng Nai thoái vốn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDB), tư vấn thoái vốn của Vietcombank tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (EIB), Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (SGB) và Công ty tài chính cổ phần xi măng - CFC, tư vấn cổ phần hóa Công Ty TNHH MTV Cao Su Đắc Lắc, Công ty mẹ - Tổng Công ty Sông Đà... Đặc biệt, cuối năm 2017 đầu năm 2018 VCBS đã phối hợp cùng Vietcombank tham gia hỗ trợ Bộ Công Thương thực hiện thành công thương vụ thoái vốn tại Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO). Không chỉ dừng lại khi phiên chào bán cạnh tranh được tổ chức thành công, sau khi kết quả phiên chào bán cạnh tranh được xác định, VCBS đã hỗ trợ Bộ Công Thương và nhà đầu tư tổ chức trúng đấu giá duy nhất là Công ty TNHH Vietnam Beverage hoàn thành trọn vẹn các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng



cổ phần thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, chính thức đánh dấu việc chuyển quyền sở hữu 53,59% cổ phần SABECO từ Nhà nước sang Công ty TNHH Vietnam Beverage và sự thành công của thương vụ. Với giá trị gần 110 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 5 tỷ USD), đây là thương vụ thoái vốn giữ kỷ lục về số tiền thu được từ trước đến nay của Chính phủ Việt Nam và cũng là một thương vụ có tầm vóc trong khu vực. Bên cạnh đó, việc VCBS là đại lý đấu giá duy nhất được các nhà đầu tư tin tưởng lựa chọn để sử dụng dịch vụ đã phần nào khẳng định được uy tín và vị thế của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh việc duy trì phát triển các nhóm dịch vụ truyền thống kể trên, VCBS cũng nhận thấy tiềm năng to lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài khi chứng kiến dòng vốn ngoại tìm đến thị trường Việt Nam ngày càng gia tăng. Với sự hỗ trợ đặc lực từ các đối tác trong và ngoài nước, nhất là Mizuho (đối tác chiến lược của Ngân hàng mẹ Vietcombank), hoạt động tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) cũng được VCBS tích cực thúc đẩy. VCBS đã tham gia dàn xếp thành công một số thương vụ tiêu biểu như Kyoiei Steel mua cổ phần của CTCP Thép Việt Ý (VIS), Sojitz Corporation mua cổ phần phát hành riêng lẻ của CTCP Tập đoàn PAN (PAN)...

Trong giai đoạn tới, với sự hỗ trợ từ Ngân hàng mẹ Vietcombank và sự phối hợp ngày một nhuần nhuyễn giữa Vietcombank, VCBS và Mizuho, VCBS sẽ tiếp tục tập trung vào các mảng đem lại giá trị thặng dư lớn như tư vấn mua bán sáp nhập, bảo lãnh phát hành trái phiếu dành cho khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân, bảo lãnh phát hành cổ phiếu...

4.3 Khách hàng cá nhân

Thành tựu nổi bật:

- Cung cấp các gói sản phẩm mới với chi phí hấp dẫn nhất thị trường nhằm nâng cao hiệu quả và giảm chi phí giao dịch của nhà đầu tư;
- Số tài khoản mở mới đạt trên 13.000 tài khoản, nâng tổng số tài khoản giao dịch tại VCBS lên trên 110.000 tài khoản;
- Hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại, tiện ích đa dạng và các sản phẩm hỗ trợ tài chính với chi phí thấp gia tăng hiệu quả dành cho nhà đầu tư.

Gia tăng hiệu quả dành cho Nhà đầu tư

VCBS luôn lắng nghe và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng khách hàng bằng việc xây dựng các gói sản phẩm giao dịch dành cho khách hàng. VCBS đã triển khai cung cấp gói giao dịch chủ động với mức phí cạnh tranh giúp khách hàng giảm thiểu chi phí giao dịch. Khi khách hàng đăng ký sử dụng gói dịch vụ này sẽ được hưởng mức phí sàn cho mọi giao dịch và lãi suất hỗ trợ tài chính hấp dẫn nhất thị trường. Cùng với đó, khách hàng có nhu cầu sử dụng cán bộ môi giới trực tiếp chăm sóc có thể lựa chọn gói dịch vụ có tư vấn. Với gói dịch vụ này, khách hàng sẽ được cán bộ môi giới hỗ trợ tư vấn nhận diện các cơ hội đầu tư, quản lý hiệu quả danh mục trong quá trình giao dịch chứng khoán tại VCBS với mức chi phí hợp lý.

Với sự phối hợp với các bộ phận Nghiên cứu Phân tích và Ngân hàng đầu tư, sử dụng những mô hình đánh giá và định giá hiện đại, VCBS đã cung cấp tới khách hàng những khuyến nghị đầu tư hiệu quả thông qua hệ thống báo cáo phân tích chuyên nghiệp về tình hình kinh tế vĩ mô, các ngành/lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế và các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán.

Nhận định rằng rủi ro luôn tồn tại trên thị trường chứng khoán, VCBS luôn đặt ra những chiến lược thích hợp đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận và tăng trưởng tài sản bền vững cho khách hàng. Đội ngũ chuyên viên tư vấn đầu tư VCBS không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn và nỗ lực hết mình để trở thành người đồng hành đáng tin cậy của khách hàng.

Luôn luôn tạo các kênh đầu tư hiệu quả mới

VCBS là một trong những công ty tiên phong trên thị trường trong việc tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu cho nhà đầu tư cá nhân. Khách hàng cá nhân đã có thể trở thành trái chủ của các doanh nghiệp hàng đầu và có tiềm năng tăng trưởng tốt, cơ hội vốn trước đây chỉ có các định chế tài chính mới có cơ hội tiếp cận.

Năm 2018, VCBS thực hiện tư vấn và phát hành thành công những trái phiếu doanh nghiệp lớn, uy tín, nhiều tiềm năng tăng trưởng như KSB, VPI, DRH... Những trái phiếu doanh nghiệp này sẽ được đảm bảo thanh khoản thông qua việc tạo lập thị trường và thực hiện giao dịch mua bán thứ cấp tại VCBS. Đây là sản phẩm rất linh hoạt cho các nhà đầu tư khi vừa được hưởng lãi suất cao của trái phiếu cũng như cơ hội đầu tư cổ phiếu khi thị trường chứng khoán có xu hướng tăng.

Trong thời gian tới, VCBS cũng sẽ tiếp tục đem tới những sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp mới để khách hàng có nhiều lựa chọn, đa dạng dạng hóa danh mục đầu tư và đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của mình trong thời gian tới.

Đặc biệt, trong năm 2018 VCBS đã chính thức triển khai sản phẩm Ủy thác Quản lý tài khoản giao dịch tài khoản chứng khoán (VCBS Privilege). Đây là sản phẩm hợp tác giữa VCBS và khách hàng, với dịch vụ ủy thác, tài khoản chứng khoán của khách hàng được quản lý bởi hệ thống và đội ngũ chuyên gia dày dặn kinh nghiệm thị trường của VCBS. Khi sử dụng VCBS Privilege, khách hàng sẽ giảm thiểu được công việc đầu tư mà vẫn giám sát và theo dõi được đầu tư theo thời gian.

Hệ thống giao dịch trực tuyến hiện đại và thuận tiện

Trong năm qua, VCBS tiếp tục cung cấp những tính năng, tiện ích giao dịch mới trên nền tảng hệ thống giao dịch VCBS Trading hiện đại nhất thị trường hiện nay. Khách hàng được trải nghiệm những công nghệ mới nhất, hiện đại nhất và hoàn toàn thuận tiện với các phân hệ giao dịch như VCBS - Web Trading; VCBS - Home Trading; VCBS - Mobile Web Trading; VCBS - Mobile App Trading.

Với hệ thống đặt lệnh phong phú, đa dạng, và hệ thống dịch vụ tiện ích đồng bộ là công cụ hỗ trợ nhà đầu tư đạt hiệu quả cao trong giao dịch chứng khoán. Một số tính năng và tiện ích giao dịch nổi bật như:

- Đặt lệnh theo giá mua, giá bán tốt nhất;
- Đặt lệnh theo số dư chứng khoán;
- Đặt lệnh điều kiện;
- Đặt lệnh giao dịch đối ứng;
- Hệ thống cảnh báo rủi ro tự động;
- Giao dịch ký quỹ thông thường/ngắn hạn với lãi suất hấp dẫn;
- Margin quick miễn lãi 3 ngày đầu giao dịch;
- Mua bán quyền nhận tiền bán chứng khoán/Ứng trước tiền bán chứng khoán tự động;
- Gửi tiền mặt cuối ngày gia tăng hiệu quả sử dụng vốn;
- Thực hiện quyền trực tuyến...

Dịch vụ chăm sóc khách hàng hiện đại, chuyên nghiệp

Là đơn vị luôn tiên phong ứng dụng công nghệ hiện đại vào các hoạt động kinh doanh cũng như chăm sóc khách hàng. Trong thời gian vừa qua, VCBS đã đẩy mạnh đầu tư và cho ra mắt Hệ thống chăm sóc, hỗ trợ giao dịch khách hàng hiện đại, chuyên nghiệp VCBS Contact Center.

VCBS Contact Center là hệ thống được sử dụng công nghệ tiên tiến và thuận tiện. Khách hàng có thể tiếp nhận sự chăm sóc, hỗ trợ giao dịch của VCBS qua nhiều kênh giao tiếp hiện đại như: website trực tuyến, điện thoại, thư điện tử, tin nhắn và các thiết bị thông minh khác...

Với hệ thống nhận diện thông minh và phân bổ tự động, những thông tin cần giải đáp, thực hiện giao dịch của khách hàng sẽ được tiếp nhận và phản hồi ngay lập tức bởi đội ngũ Tư vấn viên chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm. Qua đó, khách hàng có thể tiết kiệm thời gian trong quá trình tìm kiếm thông tin sản phẩm dịch vụ và thực hiện giao dịch chứng khoán nhanh chóng, chính xác.

Cùng với đó, VCBS Contact Center còn được ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để cung cấp cho khách hàng những dịch vụ thông minh trong việc truy vấn tài khoản giao dịch của mình liên tục trong 24/7 thông qua đường dây hotline **1900 98 9999**.

Một số tính năng tiêu biểu mà VCBS Contact Center mang tới cho khách hàng như:

- Giao tiếp đa kênh với VCBS thông qua: website trực tuyến, điện thoại, thư điện tử, tin nhắn và các thiết bị thông minh khác.
- Trả lời tự động 24/7 khi khách hàng truy vấn số dư, truy vấn kết quả giao dịch trong ngày;
- Hệ thống nhận diện thông minh, phân bổ tự động và chăm sóc tức thời bởi đội ngũ Tư vấn viên chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm;
- Hội nghị 3 bên giữa Khách hàng - Tư vấn viên - Chuyên gia VCBS;
- Để lại lời nhắn để VCBS liên lạc hỗ trợ...

Mạng lưới khách hàng rộng khắp

Với mong muốn khách hàng khi tới sử dụng dịch vụ Ngân hàng có thể sử dụng dịch vụ Ngân hàng đầu tư, năm 2018, VCBS tiếp tục kết hợp với hệ thống các Chi nhánh Vietcombank để mở rộng mạng lưới chăm sóc khách hàng thông qua việc thành lập Phòng Giao dịch Hoàng Mai. Với việc thành lập mới này, VCBS đã có 4 (bốn) Phòng Giao dịch cùng với 2 (hai) Chi nhánh và 6 (sáu) Văn phòng đại diện trên toàn quốc.

Trong thời gian tới, VCBS sẽ tiếp tục kết hợp với hệ thống Vietcombank để mở rộng mạng lưới chăm sóc khách hàng và kỳ vọng đưa dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp tiếp cận tới cộng đồng nhà đầu tư trên mọi vùng miền của đất nước.

V. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

5.1 Uy tín và kinh nghiệm hoạt động

Là đơn vị thành viên 100% vốn của Ngân hàng Vietcombank, VCBS được kế thừa bề dày 55 năm kinh nghiệm và uy tín lớn mạnh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, tiềm lực tài chính vững chắc, hệ thống công nghệ hiện đại và mạng lưới khách hàng rộng khắp của Ngân hàng mẹ Vietcombank. VCBS đã và đang được hầu hết các tổ chức tài chính uy tín nước ngoài như Mizuho, Shinhan, CitiBank, Deutsche Bank, Standard Chartered Bank, ANZ Bank, ABN AMRO Bank, các Tập đoàn kinh tế lớn trong nước như Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn VNPT, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty Sông Đà, Tổng Công ty Thép Việt Nam, PJICO, Vinamilk, Vietnam Airlines,... tin tưởng và sử dụng dịch vụ.

VCBS đồng hành cùng với thị trường chứng khoán ngay từ những ngày đầu thành lập, với đội ngũ nhân sự am hiểu một cách sâu sắc các vấn đề về môi trường đầu tư, chính sách pháp luật và nhu cầu của khách hàng cùng với hệ thống công nghệ giao dịch hiện đại, thân thiện và an toàn. VCBS là tổ chức trung gian tài chính hàng đầu được sự tin nhiệm của khách hàng là đối tác uy tín của hầu hết là các tập đoàn tài chính, tổ chức ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty tài chính trong nước và những tổ chức tài chính quốc tế, quỹ đầu tư danh tiếng hoạt động tại Việt Nam.

5.2 Hoạt động kiểm soát độc lập, khách quan và trung thực

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó bao gồm Trưởng ban kiểm soát và một (01) thành viên khác là thành viên chuyên trách, một (01) thành viên còn lại là kiêm nhiệm, thay mặt Chủ sở hữu kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.



Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, thống kê và lập báo cáo tài chính trong Công ty; trong tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu.

Qua hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã kịp thời đưa ra các cảnh báo rủi ro, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động, trong quy trình quy chế để kiến nghị Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc chấn chỉnh, bổ sung, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động. Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

5.3 Hệ thống Quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế

Để có thể ứng phó với các rủi ro tiềm ẩn ngày càng gia tăng trên thị trường chứng khoán đồng thời đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, ngay từ những ngày đầu thành lập, Công ty đã luôn nỗ lực xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro (QTRR) hoàn chỉnh theo yêu cầu của các Cơ quan Quản lý Nhà nước đồng thời nỗ lực hướng tới đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro trong ngân hàng đầu tư.

Ngoài việc được xây dựng phù hợp với định hướng quản lý rủi ro của Ngân hàng mẹ Vietcombank, khung QTRR của VCBS luôn đảm bảo đáp ứng tối đa các yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính và Quyết định số 105/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bên cạnh đó, với định hướng tất cả các nhân viên đều phải tham gia vào hoạt động QTRR nhằm đảm bảo mọi rủi ro trong mỗi nghiệp vụ, hoạt động đều được nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu, VCBS đã và đang áp dụng cấu trúc quản trị rủi ro bao gồm 03 tầng bảo vệ độc lập, cụ thể:

- Tầng bảo vệ thứ 1: bao gồm các đơn vị thuộc khối kinh doanh và khối hỗ trợ - nơi trực tiếp phát sinh các rủi ro, có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro trong các hoạt động tác nghiệp hàng ngày;
- Tầng bảo vệ thứ 2: bao gồm các bộ phận quản lý rủi ro tập trung và độc lập như Bộ phận QTRR, Bộ phận Tuân thủ có trách nhiệm phát triển, duy trì và giám sát hoạt động quản lý rủi ro của toàn công ty;
- Tầng bảo vệ thứ 3: bao gồm các bộ phận giám sát độc lập như Phòng Kiểm toán Nội bộ, Ban Kiểm soát. Đây là các đơn vị thực hiện các biện pháp giám sát nhằm đảm bảo tính

tuân thủ đối với các chiến lược, chính sách và các quy định quản trị rủi ro mà Công ty đã đặt ra.

Một chu trình hoàn chỉnh của hoạt động QTRR tại VCBS bao gồm các bước: i) nhận diện rủi ro, ii) đo lường và đánh giá rủi ro, iii) xác định hạn mức rủi ro, iv) giám sát rủi ro, v) xử lý rủi ro.

Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR được chuẩn hóa, công tác QTRR tại VCBS trong năm 2018 tiếp tục được thực hiện một cách nghiêm túc và tuân thủ đúng chính sách rủi ro cũng như hạn mức rủi ro mà Hội đồng Thành viên phê duyệt. Các hoạt động đã được triển khai bao gồm:

- **Công tác hoàn thiện khung QTRR:** Trong năm 2018, hệ thống chính sách, quy trình về QTRR của Công ty tiếp tục được hoàn thiện và cập nhật để phù hợp với thực tế kinh doanh, với những thay đổi của chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng mẹ cũng như với việc xuất hiện rủi ro tiềm ẩn gia tăng từ các hoạt động kinh doanh mới như chứng khoán phái sinh, ủy thác đầu tư. Các quy trình QTRR đối với những rủi ro trọng yếu lần lượt được rà soát và chỉnh sửa. Bên cạnh đó, việc bổ sung các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy trình, quy định cũng đã góp phần hoàn thiện công tác triển khai hoạt động quản lý rủi ro.
- **Công tác xây dựng và truyền thông văn hóa QTRR:** Với mục đích nâng cao hiệu quả mô hình QTRR, các hoạt động đào tạo trau dồi nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro đặc biệt được Công ty chú trọng triển khai về cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Những buổi đào tạo nội bộ được tổ chức định kỳ hàng Quý. Cùng với đó, việc mời các đơn vị tư vấn trong và ngoài nước có kinh nghiệm trong lĩnh vực QTRR tham gia các khóa đào tạo cũng đã góp phần cải thiện năng lực quản trị rủi ro của các nhân viên.
- **Công tác quản lý rủi ro thị trường:** Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp với những phiên giao dịch biến động khó lường về chỉ số và thanh khoản, rủi ro đến từ biến động giá chứng khoán đặc biệt được Công ty chú trọng.

Để có thể giảm thiểu tối đa những thiệt hại không mong muốn đến từ rủi ro thị trường, Bộ phận QTRR luôn phải đảm bảo duy trì phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

Ngoài ra, các công cụ đánh giá rủi ro như phân tích kịch bản và tính toán vốn theo phương pháp VaR cũng được Công ty sử dụng trong công tác đánh giá rủi ro thị trường. Bằng việc xây dựng các kịch bản điều kiện thị trường khác nhau, danh mục đầu tư của Công ty được đánh giá, lượng hóa những mức độ của rủi ro thị trường cũng như sự tác động của những rủi ro này tới kết quả kinh doanh của công ty một cách chủ động định kỳ. Việc tính toán vốn theo phương pháp VaR cũng góp phần giúp VCBS đồng hành cùng với Ngân hàng mẹ trong quá trình triển khai tuân thủ hiệp ước vốn Basel II.

- **Công tác quản lý rủi ro trong hoạt động cho vay ký quỹ:** Nhận thức được những rủi ro tín dụng có thể phát sinh, mọi quyết định liên quan đến danh mục cổ phiếu ký quỹ, hạn mức cho vay đối với từng loại khách hàng đều được thực hiện một cách thận trọng, tuân thủ theo đúng quy định của Cơ quan quản lý và quy trình QTRR nội bộ của Công ty.

Danh mục cho vay được xây dựng một cách thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và khẩu vị rủi ro của Công ty trong từng thời kỳ. Các cổ phiếu được chấm điểm, phân loại dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu.

Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại định kỳ và đột xuất khi cần thiết để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu.

Một hệ thống hạn mức cũng được xây dựng với mục đích kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ, bao gồm các chỉ tiêu như: tổng hạn mức cho vay ký quỹ; hạn mức tối đa trên 1 khách hàng; hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu; tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn; tỷ lệ cảnh báo; tỷ lệ xử lý ép bán thu hồi nợ...

Công tác kiểm soát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và các loại tỷ lệ rủi ro cũng được thực hiện hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro.

Các khách hàng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tài chính của VCBS cũng được đánh giá với các tiêu chí và nguyên tắc do Công ty đề ra theo từng thời kỳ.

- **Công tác quản lý rủi ro thanh khoản:** Cơ chế dự báo dòng tiền được báo cáo định kỳ, trạng thái thanh khoản được kiểm soát hàng ngày. Công ty cũng đã xây dựng các phương



[Handwritten signature]

án dự phòng về nguồn vốn. Trong suốt 17 năm hoạt động, Công ty luôn đảm bảo về nguồn vốn cho các kế hoạch đầu tư cũng như nghĩa vụ thanh toán. Đối với năm 2018, chỉ tiêu an toàn tài chính của Công ty đạt 371% tại thời điểm ngày 31/12/2018, vượt xa tỷ lệ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 180%.

- **Công tác quản lý rủi ro pháp lý:** Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh, các văn bản luật sửa đổi, ban hành mới luôn được cập nhật kịp thời, phổ biến rộng rãi và tích hợp vào quy trình tác nghiệp, quy định của Công ty.

Trong năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược QTRR thận trọng, đề cao tính tuân thủ đối với các chính sách, quy định đồng thời đảm bảo an toàn và hiệu quả vốn kinh doanh. Bộ phận QTRR sẽ tập trung đẩy mạnh công tác nhận diện và phòng tránh rủi ro, tăng cường nhân lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất mục tiêu QTRR đối với các hoạt động, sản phẩm hiện có và chuẩn bị việc triển khai sản phẩm, chính sách mới. Ngoài ra, khung QTRR nội bộ cũng sẽ được cập nhật và hoàn thiện nhằm đảm bảo phù hợp với quy mô phát triển của Công ty và thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng dự kiến tiếp tục nâng cấp, cải tiến công nghệ, đầu tư vào các hệ thống phần mềm hỗ trợ đo lường rủi ro nhằm đảm bảo công tác đánh giá rủi ro được thực hiện nhanh chóng, khách quan và chính xác nhất có thể.

5.4 Nguồn nhân lực chất lượng cao

VCBS là nơi đã và đang tạo dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn được đào tạo bài bản theo đúng các chuyên ngành Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng, Luật, cùng với đó là các chứng chỉ như CPA, ACCA, CFA, các chứng chỉ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định... Các chuyên gia của VCBS đều có thời gian lâu dài làm việc tại các Ngân hàng đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Công ty tư vấn... hàng đầu ở trong và ngoài nước. Năm 2018, VCBS tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động theo quy chuẩn mô hình Ngân hàng đầu tư quốc tế; Thành lập các bộ phận mới nhằm gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu cho Công ty, cung cấp cho khách hàng nhiều sản phẩm, tiện ích tạo tiền đề để Công ty phát triển bền vững.

Cùng với việc duy trì nguồn lực chất lượng cao, VCBS cũng luôn đóng góp một phần sức lực và tạo cơ hội cho các thế hệ sinh viên trẻ được tiếp cận và trải nghiệm thực tế trong môi trường tài chính chuyên nghiệp, qua đó các bạn sinh viên được trau dồi thêm kiến thức, nâng cao hơn nữa trình độ của bản thân. Trong 10 năm qua, VCBS là đơn vị đồng tổ chức cũng như là nhà tài trợ cho cuộc thi I- INVEST! do Trường Đại học Ngoại thương tổ chức – một cuộc thi dành cho sinh viên khối kinh tế lớn nhất miền Bắc. Qua các cuộc thi, VCBS cũng đã tiếp nhận các thí sinh vào thực tập và làm việc chính thức tại Công ty. VCBS nhận thấy rằng cùng với những nền tảng kiến thức được học tập trên ghế nhà trường, sau khi có cơ hội tham gia trải nghiệm trong môi trường công việc thực tế các thí sinh sẽ trở nên tự tin và nhận thức rõ ràng về định hướng sự nghiệp của mình. Các thế hệ sinh viên trẻ được đào tạo bài bản sẽ trở thành nguồn nhân lực tốt góp phần phát triển ngành chứng khoán trong tương lai.

5.5 Công nghệ giao dịch hiện đại – Sản phẩm dịch vụ đa dạng

Ngay từ những ngày đầu tiên thành lập, VCBS đã xác định để phát triển mạnh hoạt động kinh doanh cần có sự đầu tư thích đáng về cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ hiện đại và bảo mật cao. Với nền tảng hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý và tác nghiệp chuyên nghiệp, VCBS luôn là một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động kinh doanh và giao dịch của khách hàng.

VCBS luôn chú trọng công tác đầu tư, nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm dịch vụ. Công ty đã và đang triển khai các hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm phát triển những sản phẩm, dịch vụ để có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng như: tham dự các hội thảo chuyên đề trong nước và nước ngoài về các lĩnh vực có liên quan đến thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng; tổ chức khảo sát nhu cầu thị trường, từ đó xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường thông qua việc hợp tác với các tổ chức đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức phát hành. Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ và hoạt động kinh doanh nói chung của VCBS, góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng doanh thu và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian qua.

5.6 Trách nhiệm với xã hội và cộng đồng

VCBS thường xuyên tổ chức các chương trình về nguồn, sinh hoạt chính trị được kết hợp với việc kết nạp Đảng viên mới. Năm vừa qua, Đảng bộ cơ sở VCBS đã tổ chức chương trình về nguồn tại Đất mũi Cà Mau để biểu hiện tình cảm "Uống nước - Nhớ nguồn", khơi dậy và làm sáng lên giá trị Truyền thống, giá trị Nhân văn và Đức hy sinh của các thế hệ người đi trước và nâng cao giá trị đời sống tinh thần của cán bộ.

Tại VCBS, hoạt động kinh doanh không chỉ đồng hành cùng sự phát triển của thị trường của khách hàng mà còn phải gắn liền trách nhiệm với xã hội và cộng đồng. Các hoạt động vì cộng đồng như: hoạt động từ thiện, các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nhân đạo... là một trong những nhiệm vụ thường xuyên và cũng tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn văn hóa kinh doanh tại Công ty. Liên tục duy trì và bồi đắp cho truyền thống văn hóa này, tập thể cán bộ VCBS đã chung tay hưởng ứng các chương trình như: ngày hội hiến máu "Giọt hồng yêu thương" & "Giọt máu nghĩa tình" do các cơ quản lý và Ngân hàng mẹ Vietcombank tổ chức; Thực hiện trao quà cho các em nhỏ mồ côi của Mái ấm Minh Tâm – chùa Linh Sơn, phường Thới An, quận 12, TP.HCM với tổng giá trị 28.000.000 đồng; Thực hiện chương trình "Nói trọn vòng tay 2018", tặng quà các em nhỏ mồ côi tại Cô nhi viện Thánh An Bùi Chu tại thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định với tổng giá trị hơn 53.000.000 đồng; Thực hiện chương trình "Trung thu cho em", tặng quà hơn 200 em tại Cơ sở từ thiện xã hội Phật giáo Chùa Kỳ Quang II, quận Gò Vấp, TP.HCM với tổng giá trị 52.490.000 đồng; Tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ nhân ngày 27-7 cùng với chương trình thiện nguyện hướng tới những cộng đồng gặp khó khăn do Công đoàn, Đoàn thanh niên VCBS phát động.

Các hoạt động nâng cao sự gắn kết, hiểu biết trong nội bộ công ty cũng như hệ thống Vietcombank cũng được Công ty thường xuyên tổ chức. Thông qua các chương trình như: tổ chức trận bóng đá nữ giao lưu giữa VCBS với Vietcombank Sờ giao dịch; tổ chức chương trình vui Tết Thiếu nhi, Tết Trung thu cho các cháu là con em cán bộ trong Công ty; tham gia Hội diễn Văn nghệ toàn hệ thống Vietcombank; tổ chức hoạt động Teambuilding tại Nha Trang;... đã tiếp tục nâng cao mối quan hệ trong nội bộ Công ty cũng như giữa VCBS và các Chi nhánh Vietcombank, đồng thời hứa hẹn mở ra nhiều cơ hội hợp tác kinh doanh hiệu quả trong tương lai.

VI. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Hội sở chính

Tầng 12& 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel: (84-24) 3 936 6990 / Fax: (84-24) 3936 0262

- **Phòng giao dịch Giảng Võ**

Tầng 1, Tòa nhà C4 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Tel: (84-24) 3726 5551 / Fax: (84-24) 37265550

- **Phòng giao dịch Tây Hồ**

Tầng 1 và tầng 3, số 565 Đường Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Tel: (84-24) 2191048 (ext: 100) / Fax: (84-24) 32191049

- **Phòng giao dịch Hoàng Mai**

Tầng 1, tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tel: (84-24) 3220 2345 / Fax: (84-24) 3220 2346

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 1 & 7, Toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (84-28) 3 820 8116 / Fax: (84-28) 3820 8117

- **Phòng giao dịch Nam Sài Gòn**

Tầng 3, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới Him Lam, Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (84-28) 3775 1409 / Fax: (84-28) 3775 1416

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 12, số 135 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Tel: (84-236) 3 888 991 / Fax: (84-236) 3888 881

Văn phòng đại diện Cần Thơ

Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Cần Thơ, số 7 Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Tel: (84-292) 3 750 888 / Fax: (84-292) 3750 878

Văn phòng đại diện Vũng Tàu

Tầng trệt, số 27 Đường Lê Lợi, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tel: (84-254) 3 513 974 / Fax: (84-254) 3513 979

Văn phòng đại diện Đồng Nai

Tầng 1 & 2, số 79, đường Hưng Đạo Vương, khu phố 4, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tel: (84-251) 3 918 815 / Fax: (84-251) 3918 817

Văn phòng đại diện An Giang

Tầng 7, Tòa nhà Vietcombank An Giang, số 30 - 32 Hai Bà Trưng, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Tel: (84-296) 3949 843 / Fax: (84-296) 3841 845

Văn phòng đại diện Hải Phòng

Số 11 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

Tel: (84-225) 382 1630 / Fax: (84-225) 382 1633

Văn phòng đại diện Bình Dương

Tầng 3, Số 516 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tel: (84-274) 3855 771 / Fax: (84-274) 3855 775



**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng
TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động**

09/GPHĐKD

ngày 24 tháng 4 năm 2002

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 63/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng Thành viên

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Chủ tịch
Bà Hoàng Diễm Thủy	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thúy Quỳnh	Trưởng ban
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên
Bà Trần Kim Vân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Mạnh Hùng	Giám đốc
Ông Trần Việt Anh	Phó Giám đốc
Ông Lê Việt Hà	Phó Giám đốc
Ông Phan Anh Vũ	Phó Giám đốc
Ông Trần Việt Hưng	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank
Số 198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 210”) và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (“Thông tư 210”) và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
 46th Floor, Keangnam Landmark 72
 E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
 South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
 +84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2019 được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 18-02-25062018/KPMG-VCBS-19-1



Trần Anh Quân

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3065-2019-007-1

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B01 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		2.866.183.002.522	3.225.288.961.503
I. Tài sản tài chính	110		2.863.465.908.737	3.222.262.956.156
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	101.389.635.384	71.742.763.211
1.1. Tiền	111.1		101.389.635.384	71.742.763.211
2. Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	1.869.576.404.133	1.891.861.782.955
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113		-	60.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7(c)	794.389.521.057	954.349.198.971
5. Các TSTC sẵn sàng để bán	115	7(d)	8.069.913.000	8.190.000.000
7. Các khoản phải thu	117	8	38.765.963.139	115.862.427.489
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		479.360.000	62.125.910.560
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		38.286.603.139	53.736.516.929
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		38.286.603.139	53.736.516.929
8. Trả trước cho người bán	118		1.380.711.754	178.299.000
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	9	6.023.104.204	3.835.518.423
12. Các khoản phải thu khác	122	10	47.392.955.181	118.257.475.585
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(3.522.299.115)	(2.014.509.478)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		2.717.093.785	3.026.005.347
1. Tạm ứng	131		10.000.000	10.000.000
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		992.592.700	39.597.800
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	1.714.201.085	2.476.107.547
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		300.000	500.300.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND (Phân loại lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		43.518.364.109	39.560.108.961
I. Tài sản cố định	220		7.260.048.806	12.139.245.880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.260.048.806	6.911.526.426
- Nguyên giá	222		51.333.140.211	46.834.410.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(44.073.091.405)	(39.922.884.184)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	5.227.719.454
- Nguyên giá	228		23.733.828.001	23.733.828.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(23.733.828.001)	(18.506.108.547)
II. Tài sản dài hạn khác	250		36.258.315.303	27.420.863.081
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		3.275.147.775	3.166.629.375
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	2.983.167.528	4.254.233.706
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	16	20.000.000.000	20.000.000.000
5. Tài sản dài hạn khác	255		10.000.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.909.701.366.631	3.264.849.070.464

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		1.489.244.524.525	1.990.485.644.934
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.483.837.492.855	1.631.086.179.660
1. Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	311	17	913.154.581.963	1.153.686.186.586
1.1. Vay ngắn hạn	312		913.154.581.963	1.153.686.186.586
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	22	213.600.000.000	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	18	3.236.094.908	3.803.180.286
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	19	3.664.743.314	7.127.418.179
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		235.600.000	1.409.100.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	14.760.386.557	14.304.800.840
11. Phải trả người lao động	323		32.457.199.117	52.935.968.355
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		58.480.750	2.458.166
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	9.081.964.795	15.008.099.629
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	910.679.178
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		533.382.915	429.642.070
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		14.607.438.607	4.264.614.515
20. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	332		278.447.619.929	377.204.031.856
II. Nợ phải trả dài hạn	340		5.407.031.670	359.399.465.274
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	22	-	352.100.000.000
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	15	5.407.031.670	7.299.465.274
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.420.456.842.106	1.274.363.425.530
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.420.456.842.106	1.274.363.425.530
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		(96.069.600)	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		13.919.618.247	5.016.253.615
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		55.854.344.207	46.950.979.575
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		30.762.096.449	30.762.096.449
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		320.016.852.803	191.634.095.891
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		327.625.567.500	205.213.050.100
7.2. Lỗ chưa thực hiện	417.2		(7.608.714.697)	(13.578.954.209)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		2.909.701.366.631	3.264.849.070.464

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
8.		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán ("TTLKCK") của CTCK		
	008	23(a)	297.834.490.000	397.695.600.000
9.		TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của CTCK		
	009	23(b)	40.000	287.030.000
10.		TSTC chờ về của CTCK		
	010	23(c)	500.000.000	930.400.000
12.		TSTC chưa lưu ký tại TTLKCK của CTCK		
	012	23(d)	49.827.190.000	46.801.140.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1.		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư		
	021	23(e)	34.106.592.010.000	28.941.654.960.000
a.		TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng		
	021.1		28.870.424.550.000	22.637.498.210.000
b.		TSTC hạn chế chuyển nhượng		
	021.2		200.719.260.000	252.734.590.000
c.		TSTC giao dịch cầm cố		
	021.3		4.951.500.390.000	5.888.883.890.000
d.		TSTC phong tỏa, tạm giữ		
	021.4		190.000.000	190.000.000
e.		TSTC chờ thanh toán		
	021.5		83.757.810.000	162.348.270.000
2.		TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		
	022	23(f)	15.166.370.000	48.463.300.000
a.		TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		
	022.1		7.316.290.000	28.546.490.000
b.		TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		
	022.2		7.850.080.000	19.916.810.000
3.		TSTC chờ về của Nhà đầu tư		
	023	23(g)	62.456.400.000	125.621.860.000
7.		Tiền gửi của khách hàng		
	026		1.217.012.869.286	1.384.136.001.020
7.1.		Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
	027	23(h)	974.421.061.569	998.325.808.317
a.		Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại TTLKCK		
	027.1		42.895.580.420	-
7.2.		Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		
	028	23(h)	163.610.833.436	260.459.470.686
7.3.		Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		
	029	23(h)	3.938.637.403	85.866.821.132
a.		Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		
	029.1		2.316.372.919	84.248.340.724
b.		Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		
	029.2		1.622.264.484	1.618.480.408
7.4.		Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán		
	030	23(i)	75.042.336.878	39.483.900.885

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	23(j)	1.142.262.136.871	1.344.908.226.208
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		986.798.548.801	1.247.006.170.264
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		109.416.548.189	97.902.055.944
8.3. Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	031.3		46.047.039.881	-
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	23(k)	74.750.732.415	39.227.774.812

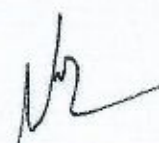
Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



T. Việt Hà
Phó Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B02 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1.		Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
a.	01	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	213.485.592.740	246.233.915.994
b.	01.1	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	105.489.549.170	87.615.987.120
c.	01.2	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(3.502.872.302)	64.236.833.421
	01.3		111.498.915.872	94.381.095.453
1.2.		Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
1.3.	02	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	7.405.160.000	5.949.521.918
1.4.	03	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	109.639.116.278	94.114.224.457
1.6.	04		120.087.000	-
1.7.	06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	154.532.997.320	151.657.704.915
1.7.	07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	15.549.652.369	40.512.108.842
1.9.	09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16.184.283.842	6.463.787.398
1.10.	10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8.653.184.554	8.724.141.057
1.11.	11	Thu nhập hoạt động khác	56.344.693.334	25.284.458.121
	20	Cộng doanh thu hoạt động	581.914.767.437	578.939.862.702
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1.		Lỗ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ		
a.	21	Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	33.736.463.056	76.674.767.746
b.	21.1	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	44.247.958.771	32.946.700.915
c.	21.2	Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ	(10.965.671.692)	43.377.746.997
	21.3		454.175.977	350.319.834
2.4.		Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm các tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		
	24		-	1.185.800.000
2.6.	26	Chi phí hoạt động tự doanh	13.204.579.255	15.461.907.931
2.7.	27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	88.858.231.501	94.637.280.263
2.8.		Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
	28		9.248.812.587	16.649.933.728
2.10.	30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	21.459.321.475	13.300.798.637
2.11.	31	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	10.679.508.702	7.435.009.505
2.12.	32	Chi phí các dịch vụ khác	1.690.178.862	-
	40	Cộng chi phí hoạt động	178.877.095.438	225.345.497.810

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B02 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	27	51.696.690	10.164.472
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi phát sinh trong năm	42	27	2.500.571.316	2.353.408.915
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.552.268.006	2.363.573.387
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	28	16.294.184	2.766.968
4.2. Chi phí lãi vay	52	28	89.499.765.339	82.855.858.455
Cộng chi phí tài chính	60		89.516.059.523	82.858.625.423
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	29	96.777.326.189	86.711.445.999
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		219.296.554.293	186.387.866.857
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		260.086.756	75.772.545
8.2. Chi phí khác	72		6.309.091	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		253.777.665	75.772.545
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		219.550.331.958	186.463.639.402
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		212.087.532.568	165.604.552.978
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92	26	7.462.799.390	20.859.086.424

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B02 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

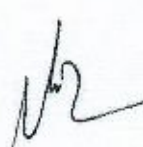
	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		47.631.706.325	34.749.100.367
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	30	49.500.122.529	25.506.726.592
10.2. (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	30	(1.868.416.204)	9.242.373.775
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		171.918.625.633	151.714.539.035
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN				
12.1. Lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	301		(96.069.600)	-
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN	400		171.822.556.033	151.714.539.035

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Lê Thu Hiền
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


 Lê Thị Ngọc Trâm
 Kế toán trưởng


 Lê Việt Hà
 Phó Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	01	Lợi nhuận trước thuế	219.550.331.958	186.463.639.402
2.	02	Điều chỉnh cho các khoản	52.640.133.314	36.497.004.797
	03	- Khấu hao tài sản cố định	10.076.768.874	11.686.289.908
	04	- Trích lập dự phòng	1.507.789.637	1.077.720.759
	05	- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(33.674.263)	(462.018)
	06	- Chi phí lãi vay	89.499.765.339	82.855.858.455
	07	- Lãi từ hoạt động đầu tư	(10.123.913.134)	(8.378.385.378)
	08	- Dự thu tiền lãi	(38.286.603.139)	(50.744.016.929)
3.	10	Tăng các chi phí phi tiền tệ	(10.965.671.692)	43.377.746.997
	11	- Lỗ đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(10.965.671.692)	43.377.746.997
4.	18	Giảm các doanh thu phi tiền tệ	3.502.872.302	(64.236.833.421)
	19	- Lãi đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	3.502.872.302	(64.236.833.421)
5.	30	Các thay đổi về vốn lưu động	234.982.381.804	(668.854.945.054)
	31	- Giảm/(tăng) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	29.748.178.212	(456.332.797.536)
	32	- Giảm các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	60.000.000.000	60.600.000.000
	33	- Giảm/(tăng) các khoản cho vay	159.959.677.914	(262.760.934.473)
	35	- Giảm/(tăng) phải thu bán các TSTC	61.646.550.560	(62.125.910.560)
	36	- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	50.744.016.929	32.681.242.123
	37	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	(2.187.585.781)	5.861.950.646
	39	- Giảm các khoản phải thu khác	72.954.795.207	100.210.915.052
	40	- (Tăng)/giảm các tài sản khác	(10.952.994.900)	1.359.563.960
	42	- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	2.032.972.640	(1.199.601.934)
	43	- Thuế TNDN đã nộp	(51.461.176.210)	(19.613.506.528)
	44	- Lãi vay đã trả	(95.231.899.876)	(81.411.229.081)
	45	- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán	(4.665.087.619)	2.349.267.947
	46	- (Giảm)/tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	(13.240.300.536)	2.402.666
	47	- (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	(1.394.494.371)	2.667.639.788
	48	- (Giảm)/tăng phải trả người lao động	(20.478.769.238)	26.694.122.072
	50	- Giảm phải trả, phải nộp khác	(2.491.501.127)	(17.838.069.196)
	60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	499.710.047.686	(466.753.387.279)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu B03 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(5.197.571.800)	(5.642.005.250)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	62		218.181.818	75.454.545
4. Tiền thu hồi từ đầu tư khác	65		12.898.231.316	8.302.930.833
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>7.918.841.334</i>	<i>2.736.380.128</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	73		37.504.727.069.351	16.547.258.789.227
3.2. Tiền vay khác	73.2		37.504.727.069.351	16.547.258.789.227
4. Tiền trả nợ gốc vay	74		(37.982.709.086.198)	(16.057.784.645.349)
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(37.982.709.086.198)	(16.057.784.645.349)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>(477.982.016.847)</i>	<i>489.474.143.878</i>
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90		29.646.872.173	25.457.136.727
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		71.742.763.211	46.285.626.484
Tiền	101.1		71.742.763.211	46.285.626.484
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	103	5	101.389.635.384	71.742.763.211
Tiền	103.1		101.389.635.384	71.742.763.211

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu B03 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC
CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	2018 VND	2017 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	344.083.766.653.043	316.256.353.305.062
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(394.856.407.804.365)	(358.776.235.912.286)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	50.733.417.333.360	43.212.605.724.731
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(154.333.193.170)	(151.353.413.982)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(9.124.556.595)	(4.838.053.040)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	29.199.729.757.775	14.998.279.419.923
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(29.164.171.321.782)	(14.986.871.170.344)
<i>(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm</i>	20	<i>(167.123.131.734)</i>	<i>547.939.900.064</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	1.384.136.001.020	836.196.100.956
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	1.384.136.001.020	836.196.100.956
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	998.325.808.317	626.422.466.206
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	260.459.470.686	127.784.172.652
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	85.866.821.132	53.913.810.792
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	39.483.900.885	28.075.651.306

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mã số thuế: 0310000000
 Địa chỉ: 100 Phố Huế, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
 Điện thoại: 024 3941 2345
 Email: info@vnsc.com.vn

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu B03 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	2018 VND	2017 VND
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	1.217.012.869.286	1.384.136.001.020
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	1.217.012.869.286	1.384.136.001.020
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	974.421.061.569	998.325.808.317
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	163.610.833.436	260.459.470.686
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	3.938.637.403	85.866.821.132
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	47	75.042.336.878	39.483.900.885

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Lê Thu Hiền
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


 Lê Thị Ngọc Trâm
 Kế toán trưởng


 Lê Việt Hà
 Phó Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B04 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	1/1/2017	1/1/2018	2017	2018	31/12/2017	31/12/2018
	VND	VND	Tăng VND	Tăng VND	Phân loại lại VND	VND
1. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	700.914.795.416	1.000.000.000.000	300.000.000.000	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	700.000.000.000	1.000.000.000.000	300.000.000.000	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	914.795.416	-	-	-	-	-
2. Chính sách đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý						
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	21.884.133.763	5.016.253.615	5.016.253.615	8.903.364.632	-	(96.069.600)
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	41.953.025.960	46.950.979.575	5.016.253.615	8.903.364.632	-	5.016.253.615
5. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	30.762.096.449	30.762.096.449	-	-	46.950.979.575	55.854.344.207
6. Lợi nhuận chưa phân phối	337.718.286.958	191.634.095.891	151.714.539.035	(43.535.868.722)	191.634.095.891	320.016.852.803
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	337.718.286.958	205.213.050.100	135.027.269.896	(43.535.868.722)	205.213.050.100	327.625.567.500
6.2. Lợi nhuận(lỗ) chưa thực hiện	-	(13.578.954.209)	16.687.269.139	5.970.239.512	(13.578.954.209)	(7.608.714.697)
TỔNG CỘNG	1.133.232.338.546	1.274.363.425.530	461.747.046.265	189.725.354.898	1.274.363.425.530	1.420.456.842.106

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Lê Thu Hiền
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


 Lê Thị Ngọc Trâm
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 09/GPHĐKD được cấp lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2002 tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(c) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 267 nhân viên (1/1/2018: 260 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210") và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c)
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d)
- Các TSTC sẵn sàng để bán: Xem Thuyết minh 3(e)
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(f)

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cản trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định giá trị hợp lý

Đối với các TSTC là chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC, Công ty xác định giá thị trường là giá bình quân của giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán.



Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính theo yêu cầu thông qua các kỹ thuật đánh giá. Đối với TSTC là công cụ nợ, Công ty áp dụng kỹ thuật định giá giá trị hiện tại ròng và dòng tiền chiết khấu. Các giả định và yếu tố đầu vào được sử dụng trong kỹ thuật định giá bao gồm lãi suất không có rủi ro, mức chênh lệch tín dụng và các chỉ tiêu khác để ước tính tỷ lệ chiết khấu.

(vi) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ có bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của TSTC này và ghi nhận lỗ suy giảm giá trị của các TSTC vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phân ánh theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Mọi khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(e) Các TSTC sẵn sàng để bán

Các TSTC sẵn sàng để bán là các TSTC phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc là những TSTC còn lại.

Các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các TSTC đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC sẵn sàng để bán được phản ánh theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Mọi khoản đánh giá tăng/giảm giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác trong báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp các TSTC sẵn sàng để bán là chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

HOA
 TMC
 JING
 P.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| • Phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(l) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(m) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	: 5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	: 5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Chủ sở hữu.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về vốn, tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mức trích lập hàng năm theo Điều lệ của Công ty.

(n) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(o) Doanh thu và thu nhập

(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thường, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK

*(Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu tiền lãi từ các TSTC được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu lãi cho vay hoạt động margin được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo nguyên tắc dồn tích. Doanh thu tiền lãi hoạt động cho vay ứng trước tiền bán của khách hàng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(iii) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(iv) Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng, thường được tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành thành công. Các khoản doanh thu này được ghi nhận căn cứ theo thỏa thuận/biên bản thanh lý với Tổ chức phát hành chứng khoán.

(v) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm kiểm toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(vi) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Ngân hàng mẹ và các công ty con và công ty liên kết của Ngân hàng mẹ.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	101.389.635.384	71.742.763.211
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(ii)	1.548.824.067.468	1.462.979.517.870
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(ii)	-	60.000.000.000
Các khoản cho vay	(iii)	794.389.521.057	954.349.198.971
Các khoản phải thu từ TSTC	(iii)	38.765.963.139	115.862.427.489
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(iii)	6.023.104.204	3.835.518.423
Các khoản phải thu khác	(iii)	47.392.955.181	118.257.475.585
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	300.000	500.300.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	3.275.147.775	3.166.629.375
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác - Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phải sinh	(iv)	10.000.000.000	-
		2.570.060.694.208	2.810.693.830.924

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán nợ có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu từ TSTC, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 và Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Không có khoản phải thu nào quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm.

Biến động trong năm của dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	2.014.509.478	936.788.719
Tăng dự phòng trong năm	1.690.178.862	1.185.800.000
Hoàn nhập	(182.389.225)	(108.079.241)
Số dư cuối năm	3.522.299.115	2.014.509.478

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phải sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi Thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với Thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng tháng Trung tâm Lưu ký Chứng khoán sẽ thực hiện đánh giá quy mô Quỹ bù trừ và định giá lại giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ để xác định nghĩa vụ đóng góp của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo TT số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2018

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	913.154.581.963	922.265.187.197	922.265.187.197
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	213.600.000.000	277.137.800.000	277.137.800.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.236.094.908	3.236.094.908	3.236.094.908
Phải trả người bán ngắn hạn	3.664.743.314	3.664.743.314	3.664.743.314
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.081.964.795	9.081.964.795	9.081.964.795
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	533.382.915	533.382.915	533.382.915
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	278.447.619.929	279.320.932.672	279.320.932.672
	1.421.718.387.824	1.495.240.105.801	1.495.240.105.801

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo TT số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

1/1/2018

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	1.153.686.186.586	1.167.806.016.768	1.167.806.016.768	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.803.180.286	3.803.180.286	3.803.180.286	-
Phải trả người bán ngắn hạn	7.127.418.179	7.127.418.179	7.127.418.179	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	15.008.099.629	15.008.099.629	15.008.099.629	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	429.642.070	429.642.070	429.642.070	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	377.204.031.856	378.878.113.725	378.878.113.725	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.557.258.558.606	1.573.052.470.657	1.573.052.470.657	-
	352.100.000.000	471.814.000.000	75.046.500.000	396.767.500.000
	1.909.358.558.606	2.044.866.470.657	1.648.098.970.657	396.767.500.000

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.389.635.384	71.742.763.211
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.548.824.067.468	1.462.979.517.870
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	60.000.000.000
Các khoản cho vay	794.389.521.057	954.349.198.971
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	10.000.000.000	-
Phải thu hoạt động chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	41.064.645.325	115.864.072.660
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	(913.154.581.963)	(1.153.686.186.586)
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	(278.447.619.929)	(377.204.031.856)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	(213.600.000.000)	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	(352.100.000.000)
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định	1.110.465.667.342	801.945.334.270

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Công ty là 212.876.009.605 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 8% tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tất cả các biến số khác không thay đổi lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ tăng tương ứng 13.624.064.615 VND hoặc giảm tương ứng 13.624.064.615 VND.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	101.229.245.347	71.539.638.950
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	160.390.037	203.124.261
	101.389.635.384	71.742.763.211

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2018		2017	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty				
Cổ phiếu	64.371.822	1.575.091.107.400	74.340.226	1.400.560.994.000
Trái phiếu	129.015.264	14.038.938.835.520	102.573.488	10.618.202.353.120
Chứng khoán khác	458.220	6.105.636.700	1.340.780	15.706.831.100
Của Nhà đầu tư				
Cổ phiếu	4.421.993.711	90.028.484.624.068	4.438.955.945	79.108.575.343.100
Trái phiếu	956.477.295	105.164.680.187.894	1.004.921.434	107.434.504.518.010
Chứng khoán khác	1.155.370	18.494.684.500	1.515.340	20.068.669.900
		210.831.795.076.082		198.597.618.709.230

Báo cáo tài chính năm 2018
 Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Các loại tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	251.143.391.359	213.103.276.616	344.264.231.109	320.160.720.412
Cổ phiếu chưa niêm yết	47.423.853.220	20.872.956.576	42.722.619.677	16.171.282.384
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	58.869.107.060	86.776.103.473	58.869.107.060	92.550.262.289
Trái phiếu niêm yết	359.741.865.046	382.772.322.845	460.069.069.385	460.069.069.385
Trái phiếu chưa niêm yết	421.513.536.453	421.300.807.327	422.910.448.485	422.910.448.485
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	740.395.544.366	744.750.937.296	580.000.000.000	580.000.000.000
	1.879.087.297.504	1.869.576.404.133	1.908.835.475.716	1.891.861.782.955
				1.891.861.782.955

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi có giá trị ghi sổ là 678.909 triệu VND (1/1/2018: 698.870 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu	-	-	60.000.000.000	(*)

(*) Các TSTC này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy.

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cho vay ký quỹ	794.389.521.057	954.349.198.971

(d) TSTC sẵn sàng để bán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	8.190.000.000	8.069.913.000	8.190.000.000	8.190.000.000

8. Các khoản phải thu

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu bán các TSTC	479.360.000	62.125.910.560
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các khoản đầu tư	38.286.603.139	53.736.516.929
- Phải thu cổ tức	-	1.068.425.800
- Dự thu lãi tiền gửi	13.265.817.632	19.807.611.115
- Dự thu lãi trái phiếu	16.033.363.980	22.988.045.704
- Dự thu lãi hoạt động cho vay	8.987.421.527	9.872.434.310
	38.765.963.139	115.862.427.489

Mã số thuế: 0311000000
 Địa chỉ: 100 Phố Huế, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
 Điện thoại: 024 3941 2345
 Email: info@vnsc.com.vn
 Website: www.vnsc.com.vn

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu từ dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	452.136.179	911.763.471
Phải thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	1.202.584.047	723.050.106
Phải thu hoạt động tư vấn	3.957.048.775	2.028.862.915
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	291.335.203	49.966.881
Phải thu dịch vụ khác	120.000.000	121.875.050
	6.023.104.204	3.835.518.423

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu hoạt động chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán (*)	41.064.645.325	115.864.072.660
Phải thu khác	6.328.309.856	2.393.402.925
	47.392.955.181	118.257.475.585

(*) Đây là số tiền nhà đầu tư chuyển nhượng cho Công ty quyền được thụ hưởng "giá trị tiền bán chứng khoán" mà nhà đầu tư thực tế sẽ nhận được vào ngày thanh toán đối với các giao dịch bán chứng khoán đã khớp lệnh thành công theo Thông báo kết quả giao dịch của Công ty.

2018
 12/31
 118.257.475.585
 47.392.955.181
 115.864.072.660
 2.393.402.925
 41.064.645.325
 6.328.309.856
 41.064.645.325
 6.328.309.856
 47.392.955.181
 115.864.072.660
 2.393.402.925
 118.257.475.585
 47.392.955.181
 118.257.475.585

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu
2018

	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số đầu năm VND	Dự phòng trích lập trong năm VND	Dự phòng hoàn nhập/ sử dụng trong năm VND	Số cuối năm VND
Phải thu từ dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	44.000.000	30.800.000	13.200.000	-	44.000.000
- Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Đồng Nai	2.750.000.000	1.155.000.000	1.595.000.000	-	2.750.000.000
- Tổng Công ty Viễn thông MOBIFONE					
Các khoản phải thu khác	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần in Bưu điện	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì Hanel	18.500.000	18.500.000	-	-	18.500.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	25.000.000	25.000.000	-	-	25.000.000
- Khoản phải thu Công ty Tư vấn, Xây dựng và Thiết kế Đa Năng	17.500.000	17.500.000	-	-	17.500.000
- Khoản phải thu Xí nghiệp Kinh doanh Tổng hợp Intimex	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Ryninh II	527.299.115	627.709.478	81.978.862	(182.389.225)	527.299.115
- Các khách hàng khác					
	3.522.299.115	2.014.509.478	1.690.178.862	(182.389.225)	3.522.299.115

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền thuê văn phòng trả trước	180.680.794	172.460.000
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	55.101.529	317.263.413
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.478.418.762	1.986.384.134
	1.714.201.085	2.476.107.547

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền thuê văn phòng trả trước	306.680.000	766.700.000
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	811.406.365	1.143.616.300
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.865.081.163	2.343.917.406
	2.983.167.528	4.254.233.706

13. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.276.596.995	38.557.813.615	46.834.410.610
Mua trong năm	1.490.670.700	3.706.901.100	5.197.571.800
Thanh lý trong năm	(568.555.600)	(130.286.599)	(698.842.199)
Số dư cuối năm	9.198.712.095	42.134.428.116	51.333.140.211
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.324.876.372	33.598.007.812	39.922.884.184
Khấu hao trong năm	736.380.972	4.112.668.448	4.849.049.420
Thanh lý trong năm	(568.555.600)	(130.286.599)	(698.842.199)
Số dư cuối năm	6.492.701.744	37.580.389.661	44.073.091.405
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.951.720.623	4.959.805.803	6.911.526.426
Số dư cuối năm	2.706.010.351	4.554.038.455	7.260.048.806

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.276.596.995	39.747.477.516	48.024.074.511
Mua trong năm	-	2.153.005.250	2.153.005.250
Thanh lý trong năm	-	(3.342.669.151)	(3.342.669.151)
Số dư cuối năm	8.276.596.995	38.557.813.615	46.834.410.610
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.605.859.844	30.478.594.196	36.084.454.040
Khấu hao trong năm	719.016.528	6.462.082.767	7.181.099.295
Thanh lý trong năm	-	(3.342.669.151)	(3.342.669.151)
Số dư cuối năm	6.324.876.372	33.598.007.812	39.922.884.184
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.670.737.151	9.268.883.320	11.939.620.471
Số dư cuối năm	1.951.720.623	4.959.805.803	6.911.526.426

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 37.648 triệu VND (1/1/2018: 23.258 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Số dư cuối năm

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

	1/1/2018 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động VND	Được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác VND	31/12/2018 VND
Dự phòng phải thu khó đòi	1.185.800.000	1.690.178.862	-	2.875.978.862
Chênh lệch giảm đánh giá lại chứng khoán chưa niêm yết	26.552.431.825	4.182.704.118	-	30.735.135.943
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	(64.236.833.420)	3.502.872.301	-	(60.733.961.119)
Chênh lệch do đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	-	-	120.087.000	120.087.000
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.275.225	(33.674.263)	-	(32.399.038)
	(36.497.326.370)	9.342.081.018	120.087.000	(27.035.158.352)

16. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi Thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm và cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

17. Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngân hàng (*)				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	52.700.000.000	1.337.000.000.000	(1.389.700.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	382.000.000.000	1.549.000.000.000	(1.676.000.000.000)	255.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	245.000.000.000	375.000.000.000	(620.000.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
- Ngân hàng TNHH Indovina	109.000.000.000	1.034.000.000.000	(1.143.000.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	90.000.000.000	1.829.000.000.000	(1.872.000.000.000)	47.000.000.000
- Ngân hàng TNHH CTBC	100.000.000.000	845.000.000.000	(795.000.000.000)	150.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	45.000.000.000	245.000.000.000	(190.000.000.000)	100.000.000.000
- Ngân hàng HDBank	-	250.000.000.000	(100.000.000.000)	150.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	312.901.100.000	(263.001.100.000)	49.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	-	120.000.000.000	(120.000.000.000)	-
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	439.000.000.000	(341.500.000.000)	97.500.000.000
Vay khác	29.986.186.586	24.675.755.406.215	(24.641.987.010.838)	63.754.581.963
	1.153.686.186.586	33.011.656.506.215	(33.252.188.110.838)	913.154.581.963

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản vay trên có thời hạn từ 1 tháng đến 3 tháng và có lãi suất từ 5,5% đến 10,5% (1/1/2018: các khoản vay trên có thời hạn từ 1 tháng đến 3 tháng và có lãi suất từ 5% đến 8%).

Các khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán và giấy tờ có giá có giá trị ghi sổ là 678.909 triệu VND (1/1/2018: 698.870 triệu VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	2.203.295.489	2.927.818.282
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán	1.032.799.419	875.362.004
	<u>3.236.094.908</u>	<u>3.803.180.286</u>

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả về mua các TSTC ngắn hạn	1.004.509.999	5.023.416.799
Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.660.233.315	2.104.001.380
	<u>3.664.743.314</u>	<u>7.127.418.179</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế Giá trị gia tăng	445.320.596	6.035.320.764	(6.133.072.565)	347.568.795
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.343.227.367	53.311.256.298	(51.461.176.210)	10.193.307.455
Thuế Thu nhập cá nhân	447.474.333	20.928.431.268	(20.816.158.597)	559.747.004
Thuế nộp hộ nhà đầu tư	4.693.733.383	43.306.052.440	(44.465.520.993)	3.534.264.830
Các loại thuế khác	375.045.161	5.181.207.500	(5.430.754.188)	125.498.473
	<u>14.304.800.840</u>	<u>128.762.268.270</u>	<u>(128.306.682.553)</u>	<u>14.760.386.557</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	2.059.993.288	3.419.448.934
Lãi vay trái phiếu phát hành	7.021.971.507	11.588.650.695
	9.081.964.795	15.008.099.629

22. Trái phiếu phát hành

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (i)	VND	7,5%	2019	213.600.000.000	352.100.000.000
Trái phiếu sẽ đáo hạn trong vòng 1 năm tới				(213.600.000.000)	-
Trái phiếu sẽ đáo hạn sau 12 tháng				-	352.100.000.000

(i) Là các trái phiếu do Công ty phát hành ngày 15 tháng 2 năm 2017 và ngày 3 tháng 7 năm 2017, có thời gian 2 năm, trả lãi nửa năm một lần.

23. Các tài khoản ngoại bảng

(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty chứng khoán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	20.783.449	297.834.490.000	25.687.224	397.695.600.000

(b) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	4	40.000	28.703	287.030.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) TSTC chờ về của Công ty chứng khoán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	50.000	500.000.000	93.040	930.400.000

(d) TSTC chưa lưu ký tại TTLKCK của Công ty chứng khoán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Hơn 1 năm	4.982.719	49.827.190.000	4.680.114	46.801.140.000

(e) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	2.248.006.455	28.870.424.550.000	1.815.918.821	22.637.498.210.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	20.071.926	200.719.260.000	25.273.459	252.734.590.000
TSTC giao dịch cầm cố	110.220.039	4.951.500.390.000	101.358.389	5.888.883.890.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	19.000	190.000.000	19.000	190.000.000
TSTC chờ thanh toán	8.375.781	83.757.810.000	16.234.827	162.348.270.000
	2.386.693.201	34.106.592.010.000	1.958.804.496	28.941.654.960.000

(f) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	731.629	7.316.290.000	2.854.649	28.546.490.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	785.008	7.850.080.000	1.991.681	19.916.810.000
	1.516.637	15.166.370.000	4.846.330	48.463.300.000

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(g) TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	62.456.400	62.456.400.000	12.562.186	125.621.860.000

(h) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	974.421.061.569	998.325.808.317
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	824.348.162.144	903.953.026.781
b. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	107.177.319.005	94.372.781.536
c. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	42.895.580.420	-
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	163.610.833.436	260.459.470.686
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	3.938.637.403	85.866.821.132
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	2.316.372.919	84.248.340.724
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.622.264.484	1.618.480.408
	1.141.970.532.408	1.344.652.100.135

(i) Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	10.352.314	10.367.472
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	75.031.984.564	39.473.533.413
	75.042.336.878	39.483.900.885

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(j) Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
a. Của Nhà đầu tư trong nước	986.798.548.801	1.247.006.170.264
b. Của Nhà đầu tư nước ngoài	109.416.548.189	97.902.055.944
c. Phải trả tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	46.047.039.881	-
	1.142.262.136.871	1.344.908.226.208

(k) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	74.750.732.415	39.227.774.812

Bảng số 03/2018

Bảng số 03/2018

Bảng số 03/2018

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi từ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2018	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán kỳ này VND
Cổ phiếu niêm yết	24.230.772	26.651	645.781.127.355	571.293.688.888	74.487.438.467
Trái phiếu niêm yết	19.266.767	113.902	2.194.522.666.667	2.164.931.655.935	29.591.010.732
Trái phiếu chưa niêm yết	1.728.942	240.380	415.603.526.280	415.407.922.922	195.603.358
Giấy tờ có giá	100.100	2.078.863	208.094.165.050	206.878.668.437	1.215.496.613
			3.464.001.485.352	3.358.511.936.182	105.489.549.170

2017

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán kỳ này VND
Cổ phiếu niêm yết	25.989.400	20.522	533.345.632.457	467.475.033.530	65.870.598.927
Trái phiếu niêm yết	17.600.000	102.363	1.801.591.637.533	1.780.404.582.829	21.187.054.704
Trái phiếu chưa niêm yết	2.037.517	287.294	585.366.812.902	584.808.479.413	558.333.489
			2.920.304.082.892	2.832.688.095.772	87.615.987.120

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

	2018 VND	2017 VND
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	111.498.915.872	94.381.095.453
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.405.160.000	5.949.521.918
Từ các khoản TSTC sẵn sàng để bán	120.087.000	-
Từ các khoản cho vay	109.639.116.278	94.114.224.457
	<hr/> 228.663.279.150	<hr/> 194.444.841.828

(c) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán <i>Doanh thu ban đầu</i>	154.532.997.320	151.657.704.915
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán <i>Doanh thu ban đầu</i>	15.549.652.369	40.512.108.842
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính <i>Doanh thu ban đầu</i>	8.653.184.554	8.724.141.057
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán <i>Doanh thu ban đầu</i>	16.184.283.842	6.463.787.398
Thu nhập hoạt động khác <i>Doanh thu ban đầu</i>	56.344.693.334	25.284.458.121
	<hr/> 251.264.811.419	<hr/> 232.642.200.333

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2018	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	12.116.739	20.320	246.216.439.413	272.049.146.053	25.832.706.640
Trái phiếu niêm yết	3.500.000	102.131	357.459.000.000	373.536.952.051	16.077.952.051
Trái phiếu chưa niêm yết	1.358.025	121.078	164.426.431.809	164.490.398.556	63.966.747
Giấy tờ có giá	150	1.000.000.000	150.000.000.000	152.273.333.333	2.273.333.333
			918.101.871.222	962.349.829.993	44.247.958.771
2017	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	21.217.603	14.166	299.940.893.800	327.293.975.741	27.353.081.941
Trái phiếu niêm yết	2.820.000	98.275	259.233.000.000	264.826.493.974	5.593.493.974
Trái phiếu chưa niêm yết	1.500.000	105.092	157.638.000.000	157.638.125.000	125.000
			716.811.893.800	749.758.594.715	32.946.700.915

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Chênh lệch đánh giá lại các TSTC

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này VND
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	251.143.391.359	213.103.276.616	(38.040.114.743)	(24.103.510.697)	(13.936.604.046)
Cổ phiếu chưa niêm yết	47.423.853.220	20.872.956.576	(26.550.896.644)	(26.551.357.293)	440.649
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	58.869.107.060	86.776.103.473	27.906.996.413	33.681.155.229	(5.774.158.816)
Trái phiếu niêm yết	359.741.865.046	382.772.322.845	23.030.457.799	-	23.030.457.799
Trái phiếu chưa niêm yết	421.513.536.453	421.300.807.327	(212.729.126)	-	(212.729.126)
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	740.395.544.366	744.750.937.296	4.355.392.930	-	4.355.392.930
					<u>7.462.799.390</u>
					<u>(3.502.872.302)</u>
					<u>10.965.671.692</u>
					<u>7.462.799.390</u>

Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:

- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm

Handwritten notes and signatures in the right margin.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	51.696.690	10.164.472
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.530.933	6.935.486
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	48.165.757	3.228.986
	2.500.571.316	2.353.408.915
	<u>2.552.268.006</u>	<u>2.363.573.387</u>

28. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.294.184	2.766.968
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.802.690	-
Chi phí lãi vay	14.491.494	2.766.968
	89.499.765.339	82.855.858.455
	<u>89.516.059.523</u>	<u>82.858.625.423</u>

29. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	53.260.243.385	48.198.475.309
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	4.519.398.055	1.567.518.853
Chi phí văn phòng phẩm	582.161.376	613.060.019
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.410.021.863	2.116.708.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.343.170.114	2.708.558.638
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.002.478.509	1.641.907.212
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(26.000.000)	(35.383.831)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.713.829.121	19.333.689.662
Chi phí khác	10.972.023.766	10.566.912.134
	<u>96.777.326.189</u>	<u>86.711.445.999</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	49.500.122.529	25.506.726.592
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.868.416.206)	9.242.373.775
Chi phí thuế thu nhập	<u>47.631.706.323</u>	<u>34.749.100.367</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	219.550.331.958	186.463.639.402
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	<u>43.910.066.392</u>	<u>37.292.727.882</u>
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.145.029.526	-
Thu nhập không bị tính thuế	(1.423.389.595)	(2.543.627.515)
Thuế suất áp dụng	<u>47.631.706.323</u>	<u>34.749.100.367</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2017: 20%).

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

31. Các số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ)		
Tiền gửi thanh toán	100.904.720.279	25.955.500.986
Các khoản phải thu hợp đồng đại lý phát hành	604.674.000	490.000.000
Lãi dự thu trái phiếu	1.064.786.249	998.479.862
Chứng khoán Vietcombank	171.114.727.012	139.612.676.110
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198 (Công ty con của Ngân hàng mẹ)		
Đặt cọc thuê văn phòng	2.210.681.255	2.210.681.255
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank (Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ)		
Các khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng quản lý đầu tư	-	50.159.036
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ VCBF - BCF và VCBF - TBF	58.869.107.060	58.869.107.060
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif (Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ)		
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	378.374	4.540.117

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Giá trị giao dịch

	2018	2017
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <i>(Ngân hàng mẹ)</i>		
Thu nhập lãi tiền gửi	71.878.736	112.982.667
Chi phí thuê văn phòng và hợp tác kinh doanh	3.181.733.878	3.228.897.859
Doanh thu hợp đồng tư vấn	690.612.725	445.454.545
Doanh thu môi giới	3.366.136.156	-
Chi phí điện, nước, trông xe	-	32.115.798
Phí ngân hàng	293.233.204	704.825.097
Thu nhập lãi trái phiếu	9.158.544.477	5.769.833.160
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198 <i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i>		
Chi phí thuê văn phòng	8.842.725.020	8.842.725.020
Chi phí điện, nước, trông xe	1.302.022.987	1.250.031.752
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank <i>(Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ)</i>		
Doanh thu môi giới khác	155.461.746	418.141.740
Doanh thu khác	134.484.646	99.078.959
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank Cardif <i>(Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ)</i>		
Doanh thu phí lưu ký	4.884.000	23.673.595
Doanh thu môi giới khác	7.116.180	-
Thu nhập của các thành viên Hội đồng thành viên, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	18.633.704.440	8.541.266.691

THH * 11

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

32. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng 1 năm	11.978.633.024	116.799.781
Từ 2 - 5 năm	39.283.962.096	9.148.776.000
Trên 5 năm	115.647.844.060	165.177.258.024
	166.910.439.180	174.442.833.805

33. Số liệu so sánh

Một số số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 đã được phân loại lại như sau:

	1/1/2018 VND (Theo báo cáo trước đây)	1/1/2018 VND (Phân loại lại)
Lợi nhuận đã thực hiện	208.607.788.652	205.213.050.100
Lỗ chưa thực hiện	(16.973.692.761)	(13.578.954.209)

Ngoại trừ các số liệu trên, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được lấy từ các số dư và giá trị được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Hùng

